

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Phúc
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN CHU KỲ
TIỀN LƯƠNG VÀ LAO ĐỘNG TRONG KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG THỰC HIỆN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH : KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Phúc

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Phúc

Mã SV: 1112401012

Lớp: QT1505K

Ngành: Kế toán - kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động
trong kiểm toán báo cáo tài chính do chi nhánh Công ty TNHH
Kiểm toán VACO tại Hải Phòng thực hiện

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán báo cáo tài chính

- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC tại chi nhánh công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu và thực trạng công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC tại chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng
Phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ.

Cơ quan công tác : Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

Hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán báo cáo tài chính tại chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 8 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 24 tháng 11 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀCÔNG TÁC KIỂM TOÁN CHU KỲ TIỀN LƯƠNG VÀ LAO ĐỘNG TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	3
1.1: Tổng quan về chu kỳ tiền lương và lao động	3
1.1.1: Một số vấn đề cơ bản về tiền lương và các khoản trích theo lương.....	3
1.1.1.1: <i>Khái niệm tiền lương và quỹ lương trong doanh nghiệp.....</i>	3
1.1.1.2: <i>Các hình thức trả lương trong doanh nghiệp.....</i>	4
1.1.1.3: <i>Quy định hiện hành về các khoản trích theo lương.....</i>	6
1.1.2 Phương pháp kế toán tiền lương trong doanh nghiệp	8
1.1.2.1 <i>Chứng từ tính lương và các khoản trích theo lương.....</i>	8
1.1.2.2 <i>Tài khoản kế toán sử dụng.....</i>	8
1.1.2.3 <i>Phương pháp hạch toán kế toán tiền lương trong doanh nghiệp.....</i>	10
1.1.3 Đặc điểm chu kỳ tiền lương và lao động trong doanh nghiệp ảnh hưởng tới công tác kiểm toán	12
1.2 Nội dung công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC.....	13
1.2.1 Khái quát chung về kiểm toán BCTC	13
1.2.1.1 <i>Khái niệm kiểm toán BCTC</i>	13
1.2.1.2 <i>Mục tiêu kiểm toán BCTC.....</i>	13
1.2.2 Mục tiêu và căn cứ kiểm toán của chu kỳ tiền lương và lao động	14
1.2.2.1 <i>Mục tiêu kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động.....</i>	14
1.2.2.2 <i>Căn cứ để kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động.....</i>	15
1.2.3 Quy trình kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC.....	16
1.2.3.1 <i>Lập kế hoạch kiểm toán.....</i>	16
1.2.3.2 <i>Thực hiện kiểm toán</i>	18
1.2.3.3 <i>Kết thúc kiểm toán.....</i>	22
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN CHU KỲ TIỀN LƯƠNG VÀ LAO ĐỘNG TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG THỰC HIỆN.....	24
2.1 Tổng quan về Công Ty TNHH Kiểm Toán VACO.....	24
2.1.1: Lịch sử hình thành và phát triển công ty.....	24

2.1.2. Các loại hình dịch vụ công ty TNHH kiểm toán VACO cung cấp cho khách hàng	25
2.1.3: Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	28
2.1.4: Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	29
2.2: Thực trạng công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC tại Công ty Cổ phần Đầu Tư Dịch vụ Hoàng Huy do Chi Nhánh Công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng Thực hiện	30
2.2.1: Lập kế hoạch kiểm toán.....	30
2.2.1.1 <i>Xem xét chấp nhận hợp đồng</i>	30
2.2.1.2 <i>thu thập thông tin khách hàng</i>	31
2.2.1.3 <i>Phân tích sơ bộ BCTC</i>	39
2.2.1.4 <i>Đánh giá mức trọng yếu</i>	43
2.2.1.5 <i>Lập kế hoạch kiểm toán tổng thể và thiết kế chương trình kiểm toán</i>	44
2.2.2 Thực hiện kiểm toán tại công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy.....	46
2.2.2.1 <i>Đánh giá chung hệ thống kiểm soát nội bộ</i>	46
2.2.2.2 <i>Thực hiện các thủ tục phân tích</i>	47
2.2.3 Kết thúc kiểm toán	56
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN CHU KÌ TIỀN LƯƠNG VÀ LAO ĐỘNG TRONG KIỂM TOÁN BCTC DO CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG THỰC HIỆN	60
3.1: Kết quả đạt được trong công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC do chi nhánh công ty TNHH kiểm toán VACO thực hiện 60	
3.1.1 Lập kế hoạch kiểm toán	60
3.1.2 Thực hiện kiểm toán	61
3.1.3 Kết thúc kiểm toán	61
3.1.4 Kiểm soát chất lượng kiểm toán	61
3.1.5 Ghi chép, lưu trữ giấy tờ làm việc, hồ sơ kiểm toán	62
3.1.6 Đội ngũ nhân viên công ty	62
3.2: Những tồn tại trong công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC do chi nhánh công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng thực hiện	62
3.2.1 Thủ tục khảo sát hệ thống kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ tiền lương và lao động	63
3.2.2 Thủ tục phân tích phải trả người lao động	63

3.2.3 Sự thiếu hụt nhân viên	63
3.2.4 Phân bổ tính trọng yếu cho từng khoản mục	64
3.3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC tại Chi nhánh công ty TNHH kiểm toán Vaco tại Hải Phòng.....	64
3.3.1: Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC tại Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán VACO tại Hải Phòng	64
3.3.2: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC tại Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng.....	65
3.3.2.1 Giải pháp tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ tại công ty khách hàng....	65
3.3.2.2 Thủ tục phân tích phải trả người lao động.....	69
3.3.2.3 Giải pháp phân bổ tính trọng yếu cho các khoản mục trong BCTC và chọn mẫu trong kiểm toán kiểm toán.....	71
3.3.2.4 Giải pháp tăng cường về số lượng chất lượng nhân viên.....	73
KẾT LUẬN.....	75
TÀI LIỆU THAM KHẢO	76

DANH MỤC SƠ ĐỒ

<i>Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán phải trả người lao động</i>	10
<i>Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán tổng hợp quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHT</i>	11
<i>Sơ đồ 2.1 : Tổ chức bộ máy hoạt động của công ty TNHH kiểm toán VACO</i>	28

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 2.1: Phân tích sơ bộ Báo Cáo Tài Chính</i>	39
<i>Bảng 2.2: Xác định mức trong yếu (kế hoạch – thực hiện)</i>	43
<i>Bảng 2.3: Chương trình kiểm toán phải trả người lao động</i>	45
<i>Bảng 2.4: Thủ tục phân tích phải trả người lao động</i>	47
<i>Bảng 2.5: Tổng hợp tiền lương</i>	48
<i>Bảng 2.6: Phân tích biến động lương</i>	49
<i>Bảng 2.7: Kiểm tra thanh toán lương</i>	50
<i>Bảng 2.8: Kiểm tra lại cách tính lương</i>	51
<i>Bảng 2.9: Kiểm tra tính thuế thu nhập cá nhân</i>	52
<i>Bảng 2.10: Bảng chấm công tháng 10 năm 2013</i>	53
<i>Bảng 2.11: Kiểm tra hợp đồng lao động và hồ sơ thương binh</i>	54
<i>Bảng 3.1: Bảng câu hỏi khảo sát hệ thống KSNB của Công ty khách hàng</i>	68
<i>Bảng 3.2: Bảng tổng hợp phân tích tiền lương và thuế TNCN</i>	71
<i>Bảng 3.3: Bảng phân bổ mức trọng yếu cho từng khoản mục</i>	72

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Ký hiệu	Chữ cái được viết tắt	Ký hiệu	Chữ cái được viết tắt
BCKT	Báo cáo kiểm toán	N	No
BCTC	Báo cáo tài chính	N/A	No answer
BGD	Ban giám đốc	NLD	Người lao động
BH	Bán hàng	NVCT	Nhân viên chính thức
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp	NVHD	Nhân viên hợp đồng
BHXH	Bảo hiểm xã hội	NVKD	Nhân viên kinh doanh
BHYT	Bảo hiểm y tế	PC	Phiếu chi
BKS	Ban kiểm soát	PGĐ	Phó giám đốc
CĐPS	Cân đối phát sinh	PGĐKD	Phó giám đốc kinh doanh
CNĐKHN	Chứng nhận đăng ký hành nghề	PM	Mức trọng yếu tổng thể
CNV	Công nhân viên	PS	Phát sinh
DN	Doanh nghiệp	QL	Quản lý
DTT	Deloitte Touche Tohwatsu	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
GĐ	Giám đốc	STT	Số thứ tự
GS.TS	Giáo sư tiến sĩ	SXKD	Sản xuất kinh doanh
GTCL	Giá trị chênh lệch	TG	Tỷ giá
GTGT	Giá trị gia tăng	TGNH	Tiền gửi ngân hàng
HĐQT	Hội đồng quản trị	THS	Thạc sĩ
HL	Hưởng lương	TK	Tài khoản
HTKSNB	Hệ thống kiểm soát nội bộ	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
KL	Không lương	TNCN	Thu nhập cá nhân
KPCĐ	Kinh phí công đoàn	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
KSNB	Kiểm soát nội bộ	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
KT	Kiểm toán	TS	Tiến sĩ
KTT	Kế toán trưởng	TSCĐ	Tài sản cố định
KTV	Kiểm toán viên	VNĐ	Việt Nam đồng
LĐ	Lao động	XNK	Xuất nhập khẩu
LĐTL	Lao động tiền lương	Y	yes
MP	Mức trọng yếu thực hiện		

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay, cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, nền kinh tế thế giới đang từng bước đi lên. Cùng với sự thay đổi đó, bước vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX nền kinh tế Việt Nam cũng có những sự biến chuyển mạnh mẽ. Việc Việt Nam chuyển từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường đã làm thay đổi bộ mặt nền kinh tế quốc dân. Đóng góp một phần quan trọng vào công cuộc chuyển đổi nền kinh tế này hoạt động kiểm toán nói chung và kiểm toán độc lập nói riêng ngày càng tự khẳng định vai trò to lớn của mình trong việc quản lý nền kinh tế quốc gia. Hoạt động kiểm toán độc lập ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp các ý kiến tư vấn về công tác quản lý kế toán, tài chính, thuế quản trị điều hành của các doanh nghiệp. Hoạt động kiểm toán độc lập góp phần công khai, minh bạch thông tin kinh tế tài chính của tổ chức, doanh nghiệp; góp phần lành mạnh hóa môi trường đầu tư; góp phần thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí; phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý, công tác điều hành kinh tế, tài chính của Nhà nước và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính thể hiện kết quả, tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Một trong những vấn đề trên BCTC luôn được các nhà quản lý quan tâm đó chính là tiền lương và lao động. Tiền lương là một khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao thì cần có tổ chức nhân sự hợp lý và xây dựng hệ thống tiền lương phù hợp. Đội ngũ công nhân làm việc có hiệu quả hay không đều phụ thuộc vào bộ máy quản lý và mức lương mà họ được trả cho phần công sức và thời gian họ bỏ ra làm việc cho doanh nghiệp đó chính là tiền lương. Tiền lương liên quan đến một số chỉ tiêu trên BCTC như: nợ phải trả, hàng tồn kho...trên bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cụ thể là chỉ tiêu tiền đã trả cho công nhân viên hoặc chỉ tiêu tăng giảm khoản phải trả, các chỉ tiêu chi phí và lợi nhuận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Vì vậy kiểm toán tiền lương là một phần quan trọng không thể thiếu khi thực hiện một cuộc kiểm toán.

Nhận thức được tầm quan trọng của chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán nên trong quá trình thực tập tại Chi Nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán VACO tại Hải Phòng em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài:

“ Hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán Báo cáo tài chính do chi nhánh công ty TNHH Kiểm Toán VACO tại Hải Phòng thực hiện”

Nội dung khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm các chương sau:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC.

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC do Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán VACO tại Hải Phòng thực hiện.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC do Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán VACO tại Hải Phòng thực hiện.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM TOÁN CHU KỲ TIỀN LƯƠNG VÀ LAO ĐỘNG TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1.1. Tổng quan về chu kỳ tiền lương và lao động.

1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về tiền lương và các khoản trích theo lương.

1.1.1.1. Khái niệm tiền lương và quỹ lương trong doanh nghiệp.

Tiền lương là biểu hiện bằng tiền của giá trị sức lao động mà người lao động đã bỏ ra trong quá trình sản xuất kinh doanh và được thanh toán theo kết quả cuối cùng. Tiền lương là nguồn thu nhập chủ yếu của người lao động, vừa là một yếu tố chi phí cấu thành nên giá trị các loại sản phẩm, dịch vụ. Nó là số tiền cần thiết cho bản thân người lao động tái sản xuất sức lao động, đảm bảo các nhu cầu ăn ở sinh hoạt cần thiết cho bản thân người lao động và gia đình họ. Tiền lương thực chất là giá cả của sức lao động. Mặt khác, tiền lương còn là đòn bẩy kinh tế khuyến khích tinh thần hăng hái lao động. Do đó việc chi trả tiền lương hợp lý, phù hợp có tác dụng tích cực thúc đẩy người lao động hăng say trong công việc, tăng năng suất lao động, đẩy mạnh tiến bộ khoa học kỹ thuật.

❖ *Quỹ lương trong doanh nghiệp.*

Quỹ tiền lương của doanh nghiệp bao gồm tất cả các khoản tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất tiền lương mà doanh nghiệp trả cho các loại lao động thuộc doanh nghiệp quản lý. Thành phần quỹ lương của doanh nghiệp bao gồm các khoản chủ yếu sau:

- Tiền lương trả cho người lao động trong thời gian làm việc thực tế
- Tiền lương trả cho người lao động sản xuất ra sản phẩm hỏng trong phạm vi chế độ quy định.
- Tiền lương trả cho người lao động trong thời gian ngừng sản xuất do nguyên nhân khách quan, trong thời gian được điều động đi công tác làm nghĩa vụ theo chế độ quy định, thời gian nghỉ phép, thời gian đi học.
- Tiền ăn trưa, ăn ca.
- Các loại phụ cấp thường xuyên

Để phục vụ cho công tác kế toán tiền lương trong doanh nghiệp có thể chia tiền lương thành hai loại:

- Tiền lương chính là tiền lương doanh nghiệp trả cho người lao động trong thời gian người lao động thực hiện nhiệm vụ chính của họ, gồm tiền lương trả theo cấp bậc và phụ cấp kèm theo như phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp khu vực, phụ cấp thâm niên,...

- Tiền lương phụ là tiền lương trả cho người lao động trong thời gian người lao động thực hiện nhiệm vụ khác ngoài nhiệm vụ chính và thời gian người lao động nghỉ phép, nghỉ tết, nghỉ vì ngừng sản xuất... được hưởng theo chế độ.

1.1.1.2. Các hình thức trả lương trong doanh nghiệp.

Tùy từng tính chất công việc mà mỗi doanh nghiệp lựa chọn cho mình các hình thức trả lương khác nhau

❖ Hình thức trả lương theo thời gian

Tiền lương trả theo thời gian chủ yếu áp dụng đối với những người làm công tác quản lý. Tiền lương trả theo thời gian có thể tính theo thời gian giản đơn hay tính theo thời gian có thưởng.

- *Hình thức trả lương theo thời gian giản đơn:*

Trả lương theo thời gian giản đơn = Lương căn bản + Phụ cấp theo chế độ khi hoàn thành công việc và đạt yêu cầu

-Tiền lương tháng là tiền lương đã được quy định sẵn đối với từng bậc lương trong các thang lương, được tính và trả cố định hàng tháng trên cơ sở hợp đồng lao động. Lương tháng tương đối ổn định và được áp dụng khá phổ biến đối với công nhân viên chức.

Tiền lương phải trả trong tháng đối với doanh nghiệp nhà nước:

Lương tháng = Mức lương tối thiểu theo ngạch bậc x (Hệ số lương + Tổng hệ số các khoản phụ cấp được hưởng theo quy định)

Tiền lương phải trả trong tháng đối với các đơn vị khác:

Lương tháng = [(Mức lương tối thiểu theo ngạch bậc x (Hệ số lương + Hệ số các khoản phụ cấp được hưởng theo quy định) / Số ngày làm việc trong tháng theo quy định] x Số ngày làm việc thực tế trong tháng

-Lương tuần là tiền lương được tính và trả cho một tuần làm việc:

$$\text{Lương tuần} = (\text{Mức lương tháng} \times 12) / 52$$

-Lương ngày là tiền lương được tính và trả cho một ngày làm việc, áp dụng cho lao động trực tiếp hưởng lương theo thời gian hoặc trả lương cho nhân viên trong thời gian học tập, hội họp, hay làm nhiệm vụ khác, được trả cho hợp đồng ngắn hạn.

$$\text{Lương ngày} = \text{Mức lương tháng} / \text{Số ngày làm việc trong tháng theo quy định (22 hoặc 26)}$$

-Lương giờ là tiền lương trả cho 1 giờ làm việc, thường được áp dụng để trả lương cho người lao động trực tiếp không hưởng lương theo sản phẩm hoặc làm cơ sở để tính đơn giá tiền lương trả theo sản phẩm.

$$\text{Lương giờ} = \text{Mức lương ngày} / \text{Số giờ làm việc theo quy định}$$

▪ *Hình thức trả lương theo thời gian có thưởng:*

Là hình thức trả lương theo thời gian giản đơn kết hợp với chế độ tiền lương trong sản xuất kinh doanh như: thưởng do nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu... nhằm khuyến khích người lao động hoàn thành tốt các công việc được giao.

$$\text{Trả lương theo thời gian có thưởng} = \text{Lương trả theo thời gian giản đơn} + \text{Các khoản tiền thưởng}$$

❖ *Hình thức trả lương theo sản phẩm.*

Tiền lương tính theo sản phẩm là tiền lương tính trả cho người lao động theo kết quả lao động, khối lượng sản phẩm và lao vụ đã hoàn thành, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, kỹ thuật, chất lượng đã quy định và đơn giá tiền lương tính cho một đơn vị sản phẩm, dịch vụ đó.

Tiền lương tính theo sản phẩm có thể được thực hiện theo những cách sau:

▪ *Tiền lương tính theo sản phẩm trực tiếp:*

Tiền lương theo sản phẩm trực tiếp được tính cho từng người lao động hay cho một tập thể người lao động thuộc bộ phận trực tiếp sản xuất. Theo cách tính này, tiền lương được lĩnh căn cứ vào số lượng sản phẩm hoặc khối lượng công việc hoàn thành và đơn giá tiền lương, không hạn chế khối lượng sản phẩm, công việc là vượt hay không vượt mức quy định.

Tiền lương được lĩnh trong tháng = Số lượng sản phẩm, công việc hoàn thành x Đơn giá tiền lương

▪ *Tiền lương tính theo sản phẩm gián tiếp:*

Hình thức này thường áp dụng để trả lương cho công nhân phụ, làm những công việc phục vụ cho công nhân chính như sửa chữa máy móc thiết bị trong các phân xưởng sản xuất, bảo dưỡng máy móc thiết bị... Tiền lương theo sản phẩm gián tiếp cũng được tính cho từng người lao động hay cho một tập thể người lao động. Theo cách tính này, tiền lương được lĩnh căn cứ vào tiền lương theo sản phẩm của bộ phận trực tiếp sản xuất và tỷ lệ tiền lương của bộ phận gián tiếp do doanh nghiệp xác định. Cách tính lương này có tác dụng làm cho những người phục vụ sản xuất quan tâm đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vì gắn liền với lợi ích kinh tế của bản thân họ.

Tiền lương được lĩnh trong tháng = Tiền lương được lĩnh của bộ phận trực tiếp sản xuất x Tỷ lệ tiền lương của bộ phận gián tiếp

▪ *Tiền lương theo sản phẩm có thưởng:*

Là tiền lương tính theo sản phẩm trực tiếp hay gián tiếp, kết hợp với chế độ khen thưởng do doanh nghiệp quy định như thưởng do tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu...

▪ *Tiền lương tính theo sản phẩm lũy tiến:*

Ngoài việc trả lương theo sản phẩm trực tiếp, doanh nghiệp còn căn cứ vào mức độ vượt định mức lao động để tính thêm một số tiền lương theo tỷ lệ vượt lũy tiến. Số lượng sản phẩm hoàn thành vượt định mức càng cao thì số tiền lương tính thêm càng nhiều. Lương theo sản phẩm lũy tiến có tác dụng kích thích mạnh mẽ việc tăng năng suất lao động nên được áp dụng ở những khâu quan trọng, cần thiết để đẩy nhanh tốc độ sản xuất... Việc trả lương này sẽ làm tăng khoản mục chi phí nhân công trong giá thành sản phẩm.

❖ **Hình thức trả lương khoán.**

Tiền lương khoán là hình thức trả lương cho người lao động theo khối lượng và chất lượng công việc mà họ hoàn thành.

1.1.1.3. Quy định hiện hành về các khoản trích theo lương.

❖ **Bảo hiểm xã hội.**

Theo Luật Bảo hiểm xã hội Số 71/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, “Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội”. Để được hưởng khoản trợ cấp này, người sử dụng lao động và người lao động trong quá trình tham gia sản xuất kinh doanh tại đơn vị phải đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Toàn bộ quỹ này do cơ quan BHXH quản lý, doanh nghiệp sử dụng người lao động có trách nhiệm trích nộp và chi hộ cho người lao động.

Theo chế độ hiện hành, quỹ BHXH được hình thành bằng cách trích theo tỷ lệ 24% trên tổng số tiền lương cấp bậc phải trả hàng tháng (17% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh, 7% còn lại do người lao động đóng góp).

❖ Bảo hiểm y tế

Là hình thức bảo hiểm được áp dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, do Nhà nước tổ chức thực hiện và các đối tượng có trách nhiệm tham gia theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12.

Quỹ BHYT là quỹ tài chính được hình thành từ nguồn đóng BHYT và các nguồn thu hợp pháp khác, được sử dụng để chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người tham gia bảo hiểm y tế, chi phí quản lý bộ máy của tổ chức bảo hiểm y tế và những khoản chi phí hợp pháp khác liên quan đến bảo hiểm y tế.

Theo nghị định số 62/2009/NĐ-CP ban hành ngày 27/7/2009 (có hiệu lực thi hành từ ngày 1/10/2009) của Thủ tướng Chính phủ quy định mức trích lập BHYT từ 1/1/2013 như sau:

Đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên; người lao động là người quản lý doanh nghiệp hưởng tiền lương, tiền công; cán bộ, công chức, viên chức thì mức trích lập BHYT bằng 4,5% mức tiền lương, tiền công hàng tháng của người lao động, trong đó người sử dụng lao động đóng góp 3% và người lao động đóng góp 1,5%.

❖ Bảo hiểm thất nghiệp

Bao gồm các chế độ: trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề, hỗ trợ tìm việc làm cho người thất nghiệp. Theo điều 102 Luật BHXH 2008, nguồn hình thành quỹ như sau:

Người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp. Người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công tháng của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Hàng tháng, Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và mỗi năm chuyên một lần.

❖ Kinh phí công đoàn

Là khoản tiền để duy trì hoạt động các tổ chức công đoàn đơn vị và công đoàn cấp trên. Các tổ chức này hoạt động nhằm bảo vệ quyền lợi và nâng cao đời sống của người lao động. Quỹ này hình thành bằng cách trích 2% trên tổng số lương phải trả cho người lao động và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của đơn vị. Quỹ này do cơ quan công đoàn quản lý.

1.1.2. Phương pháp kế toán tiền lương trong doanh nghiệp.

1.1.2.1. Chứng từ liên quan đến tiền lương và các khoản trích theo lương.

Chứng từ sử dụng gồm:

Mẫu số 01-LĐTL: Bảng chấm công

Mẫu số 02- LĐTL: Bảng thanh toán tiền lương

Mẫu số 03- LĐTL: Phiếu thanh toán tiền lương

Mẫu số 04- LĐTL: Phiếu nghỉ ốm hưởng BHXH

Mẫu số 05- LĐTL: Phiếu thanh toán tiền thưởng

Mẫu số 06- LĐTL: Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn chỉnh

Mẫu số 07- LĐTL: Phiếu báo làm thêm giờ

Mẫu số 08- LĐTL: Hợp đồng giao khoán

Mẫu số 09- LĐTL: Biên bản điều tra tai nạn lao động

Mẫu số 10- LĐTL: Bảng kê các khoản trích nộp theo lương

Mẫu số 11- LĐTL: Bảng phân bổ tiền lương và BHXH

Ngoài ra còn một số giấy tờ khác như: phiếu chi, giấy nghỉ phép...

1.1.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng

❖ TK 334: Phải trả người lao động :

Tài khoản này dùng phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho người lao động của doanh nghiệp về tiền lương, tiền công, tiền thưởng, và bảo hiểm xã hội và các khoản phải trả thuộc về thu nhập của người lao động.

Tài khoản 334 - Phải trả người lao động, có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 3341 - Phải trả công nhân viên: Phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho công nhân viên của doanh nghiệp về tiền lương, tiền thưởng có tính chất lương, bảo hiểm xã hội và các khoản phải trả khác thuộc về thu nhập của công nhân viên.

- Tài khoản 3348 - Phải trả người lao động khác: Phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho người lao động khác ngoài công nhân viên của doanh nghiệp về tiền công, tiền thưởng (nếu có) có tính chất về tiền công và các khoản phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao động.

❖ **TK 338: “Phải trả và phải nộp khác”**

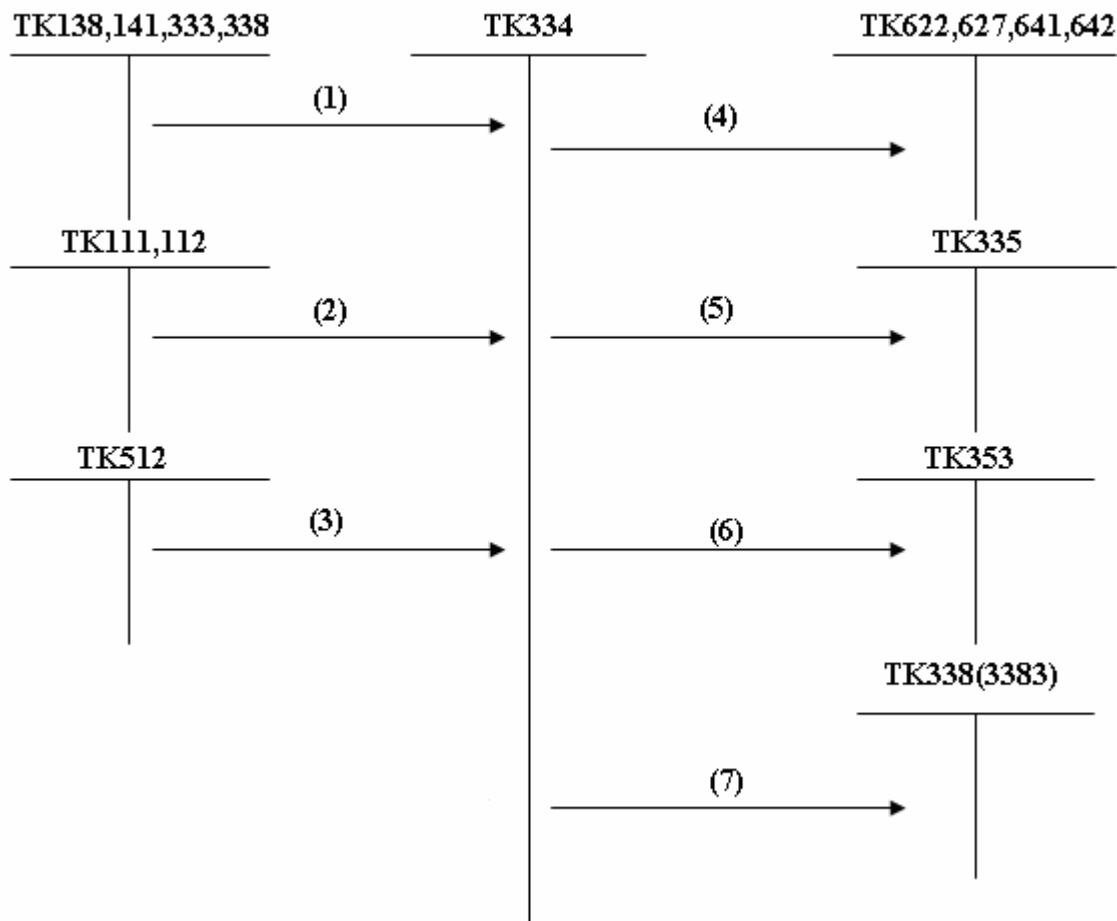
Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phải trả phải nộp ngoài nội dung đã phản ánh ở các tài khoản thuộc nhóm 33 (từ TK331 đến TK337). Tài khoản này cũng được dùng để hạch toán doanh thu nhận trước về các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, chênh lệch đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn và các khoản chênh lệch phát sinh trong giao dịch bán thuê lại tài sản là thuê tài chính hoặc thuê hoạt động.

Tài khoản 338 - Phải trả, phải nộp khác, có 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 3381 - Tài sản thừa chờ giải quyết
- Tài khoản 3382 - Kinh phí công đoàn
- Tài khoản 3383 - Bảo hiểm xã hội
- Tài khoản 3384 - Bảo hiểm y tế
- Tài khoản 3385 - Phải trả về cổ phần hoá
- Tài khoản 3386 - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn
- Tài khoản 3387 - Doanh thu chưa thực hiện
- Tài khoản 3388 - Phải trả, phải nộp khác

1.1.2.3. Phương pháp hạch toán kế toán tiền lương trong doanh nghiệp

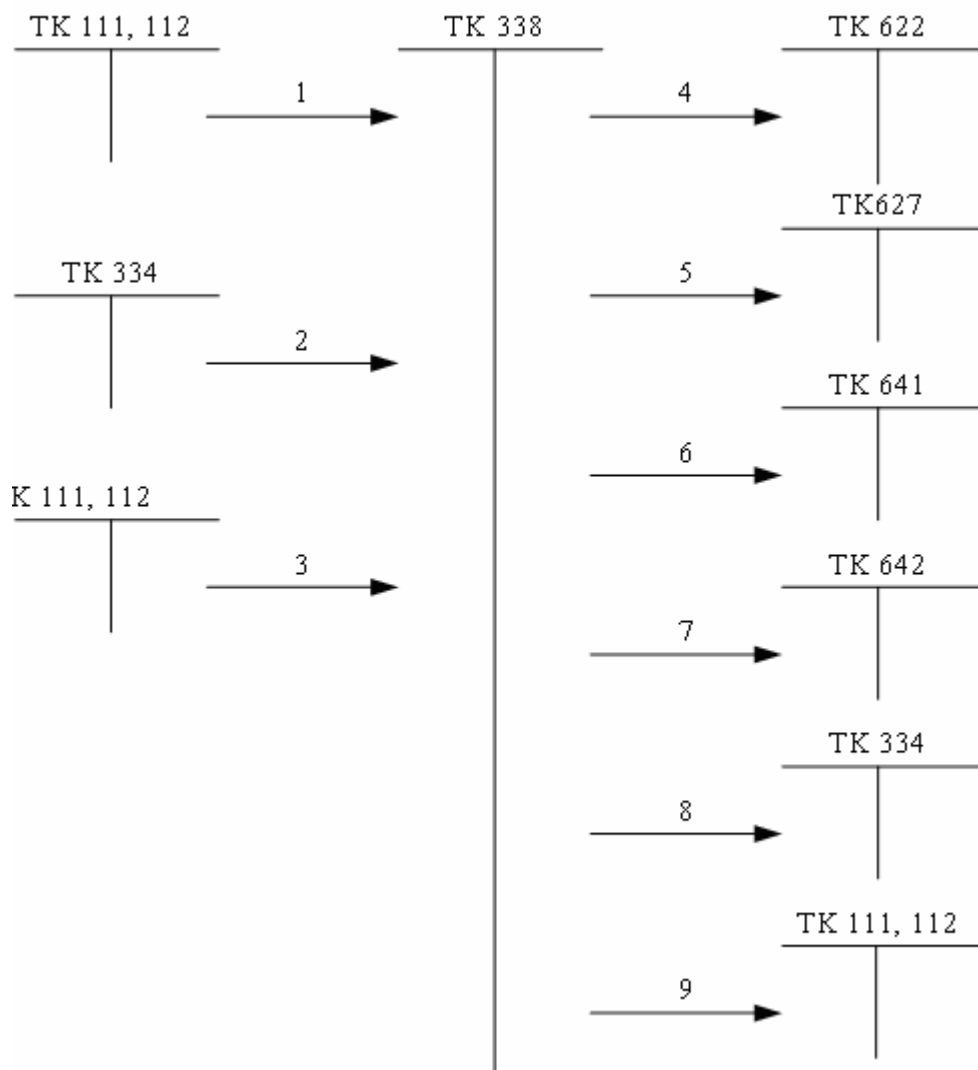
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán phải trả người lao động



Ta có các nghiệp vụ phát sinh như sau:

- (1) Các khoản phải khấu trừ vào lương và thu nhập của người lao động.
- (2) Ứng và thanh toán tiền lương và các khoản khác cho người lao động.
- (3) Chi trả lương, thưởng và các khoản khác cho người lao động bằng sản phẩm, hàng hóa.
- (4) Lương và các khoản mang tính chất lương phải trả cho người lao động.
- (5) Trả tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất.
- (6) Tiền thưởng phải trả người lao động từ quỹ khen thưởng phúc lợi.
- (7) Bảo hiểm xã hội phải trả công nhân viên.

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán tổng hợp quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN



Ta có các nghiệp vụ phát sinh như sau:

1. Chi tiền nộp BHXH, BHYT, BHTN.
2. BHXH phải trả cho người lao động trong doanh nghiệp.
3. Chi tiêu KPCĐ tại doanh nghiệp.
4. Trích theo tiền lương của lao động trực tiếp tính vào chi phí.
5. Trích theo tiền lương của nhân viên phân xưởng tính vào chi phí.
6. Trích theo tiền lương của nhân viên bán hàng tính vào chi phí.
7. Trích theo tiền lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp tính vào chi phí.
8. Trích theo tiền lương của người lao động trừ vào thu nhập của họ.
9. Nhận tiền cấp bù số KPCĐ chi vượt.

1.1.3. Đặc điểm chu kì tiền lương và lao động trong doanh nghiệp ảnh hưởng tới công tác kiểm toán.

Chu kì tiền lương có mối quan hệ mật thiết với các chu kì khác như: hàng tồn kho- chi phí- giá thành, bán hàng và thu tiền. Sự chính xác của các khoản mục tiền lương và các khoản trích theo lương có ảnh hưởng rất lớn tới tính chính xác của chi phí, giá thành cũng như lợi nhuận của doanh nghiệp.

Chu kì này liên quan đến nhiều chỉ tiêu và thông tin tài chính trong các báo cáo tài chính hiện hành của doanh nghiệp. Tiền lương và các khoản trích theo lương là một trong những khoản chi quan trọng, chiếm tỉ trọng tương đối lớn ở đa số các doanh nghiệp. Nó có liên quan đến chi phí sản xuất dở dang, thành phẩm và nợ phải trả của công nhân viên trên bảng cân đối kế toán, có thể gây sai sót trọng yếu với các chỉ tiêu này. Chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương có liên quan đến giá vốn hàng bán (giá thành sản phẩm), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, do đó nó cũng liên quan đến các chỉ tiêu chi phí và kết quả trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tiền lương và các khoản trích theo lương là một khoản liên quan đến thu nhập của người lao động cũng như một khoản liên quan trực tiếp tới quyền lợi của người lao động. Do đó, nó không chỉ mang ý nghĩa về mặt kinh tế đơn thuần mà còn mang ý nghĩa về mặt xã hội.

Tiền lương của đơn vị có thể bị lãng phí do công tác quản lý không hiệu quả hay do biến thủ thông qua các hình thức gian lận

Việc chi trả lương và các khoản trích theo lương có ảnh hưởng đến chỉ tiêu lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ (cụ thể là chỉ tiêu tiền đã trả cho công nhân viên). Việc tính, thanh toán lương và các khoản trích theo lương không đúng đắn có thể gây sai sót trọng yếu đối với chỉ tiêu này.

Kiểm toán chu kì tiền lương và lao động sẽ giúp kiểm toán viên phát hiện ra những sai sót trọng yếu nếu có đối với các chỉ tiêu nói trên. Đồng thời cũng phát hiện ra những lãng phí hay sai phạm trong quản lý và sử dụng lao động, tiền lương và các khoản trích theo lương đã gây ảnh hưởng đến lợi ích của doanh nghiệp và người lao động, phát hiện việc không tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành về quản lý tiền lương, lao động cũng như tính toán không

đúng khoản thuế và các khoản phải nộp liên quan đến lương và các khoản thu nhập khác của người lao động, không tuân thủ đúng luật lao động.v.v..

Chu kì tiền lương và lao động được bắt đầu từ thời điểm tiếp nhận lao động vào làm việc đến việc theo dõi thời gian làm việc hoặc sản phẩm hoàn thành; tính lương phải trả cho người lao động, các khoản trích theo lương; thanh toán tiền lương và các khoản khác cho công nhân viên và cuối cùng là xem xét việc chấm dứt hợp đồng lao động và giải quyết các chế độ cho người lao động.

Như vậy, chu kì tiền lương và lao động tác động đến rất nhiều thông tin được phản ánh trên BCTC như: Tiền, các khoản phải trả công nhân viên, bảo hiểm, chi phí... Tuy nhiên, trong phạm vi chương này, kiểm toán viên chủ yếu kiểm tra, thu thập bằng chứng và đưa ra kết luận cho các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ và số dư về tiền lương và các khoản trích theo lương.

1.2. Nội dung công tác kiểm toán chu kì tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC.

1.2.1. Khái quát chung về kiểm toán BCTC.

1.2.1.1. Khái niệm kiểm toán BCTC

Kiểm toán BCTC là hoạt động của các KTV độc lập có năng lực tiến hành thu thập và đánh giá các bằng chứng kiểm toán về các BCTC được kiểm toán nhằm kiểm tra và báo cáo về mức độ trung thực hợp lý của BCTC được kiểm toán với các tiêu chuẩn, chuẩn mực đã được thiết lập.

1.2.1.2. Mục tiêu kiểm toán BCTC

Đối tượng của kiểm toán BCTC là các thông tin trên BCTC được kiểm toán. Dựa trên các bằng chứng thu thập được, đối chiếu với các tiêu chuẩn, chuẩn mực, những quy định pháp lý về kế toán và các quy định có khác có liên quan, KTV phải đi đến và đạt được ý kiến của mình về độ trung thực hợp lý của các BCTC được kiểm toán. Do vậy mục tiêu tổng quát của kiểm toán BCTC là “giúp KTV và công ty kiểm toán đưa ra ý kiến xác nhận rằng BCTC có được lập trên cơ sở chuẩn mực chế độ kế toán hiện hành, có tuân thủ pháp luật liên quan và có phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu hay không”. Ngoài ra, “mục tiêu kiểm toán BCTC còn giúp cho đơn vị đạt được các mục tiêu kiểm toán trên đây được biểu hiện thông qua kết quả cuối cùng của cuộc kiểm toán BCTC đó là báo cáo kiểm toán và thư quản lý”

Hướng tới mục tiêu cuối cùng là đưa ra kết luận BCTC có trung thực hợp lý hay không và đưa ra một bản báo cáo kiểm toán thích hợp.

1.2.2. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán của chu kỳ tiền lương và lao động

1.2.2.1. Mục tiêu kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động

Công việc của kiểm toán viên trong kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động là nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp liên quan đến quá trình xử lý các sự kiện, các nghiệp vụ về tiền lương và lao động. Qua đó, kiểm toán viên có đầy đủ căn cứ để đưa ra ý kiến nhận xét về tính trung thực, hợp lý của các chỉ tiêu liên quan trên báo cáo tài chính như các khoản chi phí về lương và các khoản phải thanh toán cho công nhân viên, thuế và các khoản phải nộp tính theo lương. Đồng thời làm cơ sở tham chiếu để kết luận về các chỉ tiêu có liên quan khác như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí nhân viên quản lý, nợ phải trả công nhân có liên quan khác. Mục tiêu kiểm toán đối với chu kỳ tiền lương và lao động như sau:

Xác minh tính có thật và có căn cứ hợp lý

KTV kiểm tra xác minh các ghi chép về tiền lương và các khoản trích, tình hình thanh toán tiền lương các khoản trích theo lương các khoản thu nhập khác cho người lao động được thể hiện trên sổ sách và BCTC phải dựa trên cơ sở có thật, thực tế đã xảy ra đã được phê duyệt đầy đủ.

Xác minh tính đầy đủ

KTV xác minh các nghiệp vụ có liên quan đến tiền lương, các khoản trích theo lương, thanh toán tiền lương, thu nhập của lao động.. phải được ghi chép đầy đủ vào sổ sách, BCTC.

Sự đánh giá và chính xác số học

KTV cần kiểm tra xác minh về việc tính lương phân bổ vào chi phí, thanh toán lương có đảm bảo chính xác về số học hợp lý không.

Sự phân loại

KTV kiểm tra các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương các khoản trích theo lương có được phân loại đúng đắn khi ghi chép vào sổ kế toán có đảm bảo tính thống nhất.

Tính đúng kì

KTV Kiểm tra việc tính lương các khoản trích theo lương phải được tính vào chi phí có được phản ánh vào đúng kì phát sinh.

Cộng dồn và chuyển số

KTV phải xem xét việc chuyển số kế toán giữa các kì liên quan đến tiền lương và các khoản trích theo lương có đảm bảo sự chính xác hợp lý

Trình bày và công bố

KTV xem xét các thông tin về tiền lương và các khoản trích theo lương trên BCTC có phù hợp với thông tin trên sổ kế toán và được trình bày một cách công khai không.

1.2.2.2. Căn cứ để kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động

Nội dung công việc kiểm toán của kiểm toán viên bao gồm khảo sát về hoạt động kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ và khảo sát để đánh giá các thông tin tài chính có liên quan đến chu kỳ. Các nguồn thông tin, tài liệu để làm căn cứ kiểm toán chu kỳ này chủ yếu gồm:

-Các quy định, quy chế và thủ tục kiểm soát nội bộ như quy chế tuyển dụng và phân công lao động; quy định về quản lý và sử dụng lao động, quy chế tiền lương, tiền thưởng, quy định về tính lương, ghi chép lương, phát lương cho người lao động, nguyên tắc phân công phân nhiệm trong việc thực hiện các chức năng của chu kỳ; quy định về quản lý và lưu trữ hồ sơ nhân viên. V..v..

-Các tài liệu làm căn cứ pháp lý cho các nghiệp vụ phát sinh thuộc chu kỳ như: hợp đồng lao động, thanh lý hợp đồng lao động, các tài liệu về định mức lao động, tiền lương; kế hoạch (dự toán) chi phí nhân công....

-Các chứng từ kế toán có liên quan như: Bảng chấm công, phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành, phiếu hưởng BHXH, phiếu báo làm đêm, làm thêm giờ, biên bản điều tra tai nạn lao động...; Bảng thanh toán lương, bảng thanh toán BHXH, bảng kê thanh toán tiền thưởng và các khoản khác cho công nhân viên, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương; phiếu chi lương và các khoản trích theo lương...

Sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết của các tài khoản liên quan như: Sổ kế toán cái và sổ chi tiết của các tài khoản TK 334, TK 338 (3382, 3383, 3384, 3389); TK 622, 6271, 6411, 6421; TK 333; TK 111, TK112; TK 138...

1.2.3. Quy trình kiểm toán chu kì tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC

1.2.3.1 Lập kế hoạch kiểm toán

Để đảm bảo cuộc kiểm toán có hiệu quả, kế hoạch kiểm toán phải được lập cho mọi cuộc kiểm toán. Có ba lý do chính cho việc lập kế hoạch kiểm toán một cách đúng đắn: giúp KTV thu thập bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp, giúp giữ chi phí kiểm toán ở mức hợp lý, và để tránh những bất đồng với khách hàng.

Bước 1: Xem xét chấp nhận hợp đồng

Trước khi tiến hành lập kế hoạch kiểm toán kiểm toán viên cần quyết định việc chấp nhận khách hàng mới hoặc tiếp tục với các khách hàng cũ, nhận diện các lý do kiểm toán của khách hàng, đạt được hợp đồng kiểm toán và bố trí nhân sự cho cuộc kiểm toán

Hợp đồng kiểm toán là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa công ty kiểm toán và khách hàng về sự điều hành cuộc kiểm toán và các dịch vụ khác có liên quan trong đó sẽ xác định mục tiêu, phạm vi kiểm toán, quyền và trách nhiệm của mỗi bên, hình thức báo cáo kiểm toán, thời gian thực hiện và phí kiểm toán.

Sau khi xem xét và quyết định chấp nhận khách hàng công ty kiểm toán sẽ lập hợp đồng và gửi cho khách hàng. Công ty lựa chọn các kiểm toán viên có kinh nghiệm, hiểu biết về ngành nghề kinh doanh của khách hàng và các trợ lý kiểm toán để thành lập nhóm kiểm toán. Nhóm kiểm toán phải cam kết về tính độc lập của kiểm toán viên trước khi tiến hành các bước tiếp theo của cuộc kiểm toán.

Bước 2: Thu thập thông tin khách hàng

Sau khi chấp nhận hợp đồng kiểm toán, kiểm toán viên phải thu thập những thông tin chi tiết cần thiết ngay từ khi bắt đầu công việc kiểm toán. Trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên phải luôn xem xét, đánh giá, cập nhật và bổ sung thêm các thông tin mới về khách hàng có liên quan đến cuộc kiểm toán.

Hiểu biết của kiểm toán viên về khách hàng kiểm toán bao gồm những hiểu biết tổng quan về nền kinh tế, lĩnh vực hoạt động, tổ chức hoạt động của Doanh nghiệp... Mức độ hiểu biết của kiểm toán viên về khách hàng không nhất thiết phải như ban giám đốc của đơn vị được kiểm toán.

Việc thu thập các thông tin cần thiết về tình hình kinh doanh của đơn vị là một quá trình tích lũy liên tục, bao gồm việc thu thập, đánh giá và đối chiếu

thông tin thu thập được với các bằng chứng kiểm toán ở tất cả các giai đoạn của quá trình kiểm toán. Các thông tin đã thu thập ở giai đoạn lập kế hoạch vẫn phải tiếp tục cập nhật và bổ sung thêm ở giai đoạn kế tiếp để kiểm toán viên hiểu biết đầy đủ hơn về hoạt động của đơn vị.

Để sử dụng hiệu quả các hiểu biết về tình hình kinh doanh, kiểm toán viên phải đánh giá, xem xét mức độ ảnh hưởng tổng thể từ những hiểu biết của mình đến báo cáo tài chính của đơn vị, cũng như sự phù hợp của các cơ sở dẫn liệu trong báo cáo tài chính so với những hiểu biết của kiểm toán viên về tình hình kinh doanh.

Bước 3 Phân tích sơ bộ BCTC

Phân tích sơ bộ Báo cáo tài chính bao gồm phân tích bảng cân đối kế toán và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Kết quả trên bảng phân tích này giúp kiểm toán viên nhìn nhận một cách toàn diện về doanh nghiệp, KTV có thể chuẩn đoán khu vực có thể sai sót làm trọng tâm cho cuộc kiểm toán, từ đó có thể xác định nội dung thời gian và phạm vi sử dụng các phương pháp kiểm toán.

Bước 4: Đánh giá mức trọng yếu

KTV tiến hành tính toán và đánh giá tính trọng yếu bao gồm mức trọng yếu tổng hợp và mức trọng yếu thực hiện đều là những ước tính của KTV nhiều kinh nghiệm. Họ dựa vào kinh nghiệm, xét đoán của bản thân để đưa ra. Đây là các ngưỡng trọng yếu sử dụng chung cho toàn bộ các chu kỳ bao gồm cả chu kỳ tiền lương và nhân viên.

Dựa vào những đánh giá về mức trọng yếu kiểm toán viên tiến hành thiết kế chương trình kiểm toán.

Bước 5: Lập kế hoạch kiểm toán tổng thể và thiết kế chương trình kiểm toán

Kế hoạch kiểm toán tổng thể là toàn bộ những dự kiến chi tiết, cụ thể về nội dung, phương pháp, lịch trình và phạm vi các thủ tục kiểm toán được áp dụng cho một cuộc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán tổng thể do các trưởng nhóm kiểm toán lập và phải được lập cho mọi cuộc kiểm toán. Đây là cơ sở để lập chương trình kiểm toán.

Chương trình kiểm toán là một bảng liệt kê, chỉ dẫn các thủ tục kiểm toán chi tiết tương ứng với mục tiêu kiểm toán của các công việc kiểm toán cụ thể được sắp xếp theo một trình tự nhất định. Chương trình kiểm toán phải được lập

cho mọi cuộc kiểm toán, trong đó xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán cần thiết.

Kế hoạch kiểm toán tổng thể và chương trình kiểm toán sẽ được sửa đổi, bổ sung trong quá trình kiểm toán nếu có những thay đổi về tình huống hoặc do những kết quả ngoài dự đoán của các thủ tục kiểm toán. Nội dung và nguyên nhân thay đổi kế hoạch kiểm toán tổng thể và chương trình kiểm toán phải được ghi rõ trong hồ sơ kiểm toán.

1.2.3.2 Thực hiện kiểm toán

Bước 1: Thực hiện thủ tục kiểm soát

Kiểm toán viên tìm hiểu, đánh giá tính đầy đủ, thích hợp của việc thiết kế các quy chế và thủ tục kiểm soát nội bộ, tìm hiểu về sự vận hành, tính hiệu lực của các quy chế và thủ tục kiểm soát đã được thiết lập, chú ý đến việc thực hiện các nguyên tắc kiểm soát nội bộ trong thiết kế và vận hành các quy chế và thủ tục kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ tiền lương và lao động. Để thu thập thông tin kiểm toán viên áp dụng phương pháp kiểm toán tuân thủ. Việc áp dụng phương pháp tuân thủ ở mức độ nào tùy thuộc xét đoán của kiểm toán viên về hiệu lực kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp đối với chu kỳ tiền lương và nhân sự.

Thông qua kết quả khảo sát về kiểm soát nội bộ, kiểm toán viên đánh giá được mức độ rủi ro kiểm soát đối với chu kỳ tiền lương và lao động, từ đó đưa ra quyết định về phạm vi kiểm tra nghiệp vụ, phần tử được chọn để kiểm tra, nội dung kiểm tra, thời gian kiểm tra cho phù hợp.

Bước 2: Thủ tục phân tích

KTV áp dụng thủ tục phân tích để kiểm tra tính hợp lý của các khoản chi phí về lương và các khoản phải trả cho công nhân viên, phát hiện những vấn đề nghi vấn cần phải tập trung kiểm tra chi tiết hoặc quyết định thu hẹp phạm vi kiểm tra chi tiết nếu cho rằng khả năng ít có sai sót, chênh lệch.

Khi kiểm toán chu kỳ tiền lương – lao động KTV thường áp dụng các kỹ thuật phân tích biến động, chênh lệch, xu hướng của nghiệp vụ như sau:

So sánh số lũy kế trên tài khoản chi phí nhân công kỳ này với kỳ trước (các kỳ trước)

So sánh tỷ lệ chi phí nhân công trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh kỳ này với kỳ trước (các kỳ trước).

So sánh số liệu lũy kế trên các tài khoản phản ánh các khoản trích theo lương kì này với kì trước (các kì trước).

So sánh tỷ lệ biến động của số liệu lũy kế trên tài khoản chi phí nhân công và số lũy kế trên các tài khoản phản ánh các khoản trích theo lương kì này với kì trước (các kì trước).

Bước 3: Thực hiện kiểm tra chi tiết

❖ Kiểm tra chi tiết nghiệp vụ

Mục tiêu kiểm toán chi tiết nghiệp vụ tiền lương và các khoản trích theo lương là để xác nhận các nghiệp vụ này có thực sự đã phát sinh và hoàn thành không, có được tính toán, đánh giá đúng giá trị nghiệp vụ ghi sổ không, việc ghi chép các nghiệp vụ đầy đủ, đúng loại, đúng kì và cộng dồn, chuyển sổ đúng không.

Phạm vi kiểm toán chi tiết các nghiệp vụ tiền lương và các khoản trích theo lương phụ thuộc vào kết quả khảo sát hệ thống kiểm soát nội bộ và kết quả phân tích tổng quát đã được áp dụng để có thể thu hẹp hoặc mở rộng phạm vi kiểm tra chi tiết nghiệp vụ.

Các thủ tục khảo sát thông thường đối với nghiệp vụ tiền lương:

▪ Tính có căn cứ hợp lý

Đối chiếu tên mức lương của từng công nhân viên trong bảng lương với tên và mức lương của công nhân viên đó trên hồ sơ nhân viên xem có phù hợp không để phát hiện khả năng khai khống nhân viên hoặc khai tăng mức lương.

Đối chiếu số giờ công, ngày công dùng để tính lương thời gian của từng nhân viên trên bảng tính lương với bảng chấm công hoặc đối chiếu với khối lượng sản phẩm hoàn thành dùng để tính lương cho từng nhân viên với phiếu xác nhận sản phẩm hoàn thành của từng bộ phận.

Đối chiếu số ngày, số tiền trên bảng thanh toán BHXH của từng nhân viên với phiếu nghỉ hưởng BHXH xem có phù hợp không.

So sánh tổng số tiền trên bảng thanh toán lương với tổng số tiền đã chi lương trên phiếu chi tiền mặt....

Kiểm tra đối chiếu chữ ký công nhân viên trên bảng thanh toán lương giữa các kì xem có sự thay đổi không, có chữ ký trùng lặp không.

▪ Sự phê chuẩn nghiệp vụ

Kiểm tra sự phê chuẩn về mức lương trên các quyết định tiếp nhận lao động hoặc hợp đồng lao động, sự phê chuẩn của người quản lý bộ phận trên bảng chấm công, phiếu xác nhận sản phẩm.

▪ Sự tính toán và đánh giá

Tính lại số giờ công, ngày công trên bảng chấm công, thẻ tính giờ hay khối lượng sản phẩm hoàn thành

So sánh mức lương, phụ cấp của từng nhân viên trên bảng tính lương với mức lương, phụ cấp trên hồ sơ nhân viên.

Thực hiện tính lại số tiền lương và các khoản trích theo lương dựa trên số ngày công giờ công hoặc khối lượng sản phẩm hoàn thành và mức lương phụ cấp đã được kiểm tra.

Kiểm tra lại việc tính các khoản khấu trừ lương và các khoản lương đã tạm ứng trong kì

▪ Ghi chép đầy đủ

Đối chiếu số tiền ghi có TK 334, đối ứng nợ TK 622, 6271, 6411, 6421... trên sổ cái TK 334 và ghi số tiền ghi có TK 338 đối ứng nợ các TK 622, 6271, 6411, 6421... trên sổ cái TK 338 với số liệu tương ứng trên bảng phân bổ tiền lương và BHXH hàng tháng.

Đối chiếu số tiền ghi nợ TK 334 đối ứng có với các TK 338, 138... trên sổ cái TK 334 với số tiền lương tương ứng trên bảng phân bổ tiền lương và BHXH...

▪ Sự phân loại

Kiểm tra xem việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí lương có hợp lý và nhất quán không.

Đối chiếu số tiền lương đã phân bổ cho từng bộ phận tương ứng trên bảng tổng hợp lương hàng tháng

Đối chiếu số liệu chi tiết trên bảng phân bổ tiền lương và BHXH với số liệu ghi trên các sổ kế toán chi phí như TK 622, 6271, 6411, 6421...

- Ghi đúng kì

So sánh ngày trên bảng kê thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương và BHXH với ngày ghi sổ nghiệp vụ thanh toán và phân bổ tiền lương và BHXH trên sổ cái TK 334, 338 hoặc nhật kí chung để kiểm tra việc ghi sổ có kịp thời không

So sánh ngày trên các phiếu chi lương và ngày ghi sổ cái, nhật kí chung

So sánh ngày rút tiền ở ngân hàng và ngày chi lương ghi trên sổ cái, nhật ký.

- Tổng hợp và chuyển sổ

Kiểm tra việc tổng hợp chuyển sổ các nghiệp vụ tiền lương, chi lương và phân bổ lương có hợp lý không.

- ❖ **Kiểm tra chi tiết số dư**

- Đối với số dư đầu kì:

Việc xem xét số dư đầu kì các TK 334, 338 được tiến hành tùy thuộc vào doanh nghiệp được tiến hành kiểm toán lần đầu hay lần thứ hai trở đi. Nếu việc kiểm toán năm trước thực hiện bởi chính công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán BCTC năm nay và số dư đầu kì đã được xác định là đúng thì không cần thiết phải thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung.

Nếu việc kiểm toán năm trước được thực hiện bởi công ty kiểm toán khác, KTV phải xem xét báo cáo kiểm toán năm trước và hồ sơ năm trước, đặc biệt các vấn đề liên quan đến các TK 334, 338, nếu có thể tin cậy được thì kiểm toán viên cũng có thể chấp nhận kết quả kiểm toán năm trước.

KTV chỉ cần xem xét việc kết chuyển số dư cuối năm tài chính trước là chính xác trên báo cáo tài chính năm nay.

Nếu báo cáo tài chính được kiểm toán lần đầu, hoặc KTV không tin tưởng vào báo cáo kiểm toán năm trước được thực hiện bởi công ty kiểm toán khác. Trong trường hợp này KTV phải áp dụng các thủ tục bổ sung như: Kiểm tra các chứng từ chứng minh cho số dư đầu năm, kiểm tra các biên bản đối chiếu công nợ của năm trước, kiểm tra các thư xác nhận từ người mua cuối năm trước,...

- Đối với số dư cuối kì :

Trên cơ sở kết quả kiểm toán số dư đầu kì và các nghiệp vụ tiền lương và các khoản trích theo lương trong kì, kiểm toán viên cần kết hợp với thủ tục kiểm tra chi tiết nghiệp vụ trong kì để xác định số dư cuối kì.

1.2.3.3 Kết thúc kiểm toán

Kết thúc kiểm toán là bước cuối cùng của cuộc kiểm toán. Trong giai đoạn này, KTV tiến hành xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC lên quan đến tất cả các chu kỳ tập hợp và đánh giá các bằng chứng thu thập được để đưa ra kết luận về các khoản mục trên BCTC.

❖ Xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC

Trước khi lập và ký báo cáo kiểm toán, KTV cần thực thi các biện pháp đã dự kiến để chứng minh rằng mọi sự kiện xảy ra cho đến ngày ký báo cáo kiểm toán có thể phải điều chỉnh hoặc đã được thể hiện trong báo cáo tài chính.

Nếu xét đến có sự kiện xảy ra sau ngày lập BCTC tính đến ngày ký báo cáo kiểm toán thì KTV phải áp dụng thêm các biện pháp kiểm tra nhằm xác định xem những sự kiện đó có được phản ánh trong BCTC không, để có ý kiến nhận xét thích hợp trong BCKT.

Các sự kiện sau ngày lập BCTC là những sự kiện có ảnh hưởng đến BCTC, phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày khóa sổ kế toán lập BCTC để kiểm toán đến ngày ký báo cáo kiểm toán, những sự kiện được phát hiện sau ngày ký BCKT.

❖ Đánh giá bằng chứng và tổng hợp kết quả kiểm toán

Việc đánh giá của KTV về sự đầy đủ và thích hợp của bằng chứng kiểm toán chủ yếu phụ thuộc vào:

-Hệ thống kế toán hệ thống KSNB và sự đánh giá về rủi ro kiểm soát đối với chu kỳ.

-Kinh nghiệm của KTV về kiểm toán khoản mục của chu kỳ trong những lần kiểm toán trước.

-Kết quả của các thủ tục kiểm toán, kể cả sai sót và gian lận đã được phát hiện.

-Nguồn gốc và độ tin cậy của tài liệu thông tin...

Sau khi đánh giá các bằng chứng đã thu thập được, KTV phải đưa ra ý kiến rằng chỉ tiêu của chu kỳ tiền lương và lao động trên BCTC có đảm bảo tính trung thực hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu không, các mục tiêu của kiểm toán có thỏa mãn không.

❖ **Phát hành BCKT và thư quản lý**

Dựa vào kết quả tổng hợp kiểm toán và kết quả điều chỉnh sai sót của đơn vị khách hàng KTV xem xét cụ thể về các sai sót đã hoặc chưa được điều chỉnh trên BCTC năm nay và các năm trước, sự hạn chế phạm vi kiểm toán, những vấn đề về pháp lý có liên quan trên BCTC... Qua đó, KTV dự thảo về ý kiến nhận xét và lập dự thảo báo cáo kiểm toán về BCTC đã được kiểm toán. Kiểm toán viên lập BCKT theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA 700) ban hành theo quyết định số 120/1999/QĐ-BTC ngày 27/9/1999.

Cùng với việc lập dự thảo báo cáo kiểm toán, KTV cũng lập dự thảo thư quản lý để trao đổi với khách hàng về những ý kiến đóng góp của kiểm toán viên.

Sau khi lập dự thảo báo cáo kiểm toán và thư quản lý, các thành viên trong nhóm cần phải tiến hành hoàn chỉnh hồ sơ kiểm toán. Các thành viên trong nhóm phải hoàn thiện giấy tờ làm việc và gửi cho trưởng nhóm kiểm tra. Hồ sơ kiểm toán được lập và lưu giữ theo đúng chuẩn mực kiểm toán quốc tế hoặc quốc gia hiện hành được chấp nhận theo hợp đồng kiểm toán. Tại Việt Nam KTV lập hồ sơ kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA 230), ban hành theo quyết định số 120/1999/QĐ-BTC ngày 27/9/1999.

Báo cáo kiểm toán và thư quản lý phải được soát xét bởi các cấp theo quy định của từng công ty. Sau khi bổ sung và hoàn thiện theo ý kiến của các cấp soát xét BCKT và thư quản lý được gửi cho khách hàng để góp ý và trao đổi thêm về nội dung BCKT và thư quản lý. Sau khi đã sửa đổi BCKT và thư quản lý lần cuối cùng và được ban giám đốc phê chuẩn chính thức, KTV và công ty kiểm toán sẽ phát hành BCKT và thư quản lý chính thức để gửi cho khách hàng.

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN CHU KỲ TIỀN LƯƠNG VÀ LAO ĐỘNG TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG THỰC HIỆN.

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Kiểm Toán VACO.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán VACO tiền thân là Công ty TNHH kiểm toán Việt Nam - VACO (nay là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), là Công ty chuyên ngành kiểm toán, tư vấn tài chính kế toán, VACO đã và đang cung cấp dịch vụ kiểm toán cho nhiều khách hàng, với nhiều loại hình doanh nghiệp, trên mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế với chất lượng cao. Ngày 13/05/1991, theo giấy phép số 957/PPLT của Thủ Tướng Chính Phủ, Bộ Tài Chính đã ký quyết định số 165_TC/QĐ/TCCB thành lập công ty kiểm toán Việt Nam gọi tắt là VACO.

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH kiểm toán VACO.

Tên nước ngoài: VACO Auditing Company Limited.

Tên viết tắt: VACO LLC Co.,Ltd

Từ năm 1992 VACO đã bắt đầu hợp tác với các hãng Kiểm toán danh tiếng trên thế giới như Deloitte Touche Tohwatsu (DTT), anthur auderser (aa) , Pricewater house cooper (PUC), KPMG....

Tháng 4/ 1994 VACO đã liên doanh với DTT thành lập Công ty liên doanh VACO –DTT, đánh dấu một bước phát triển mới của ngành Kiểm toán Việt Nam. Công ty xây dựng trụ sở chính và hai chi nhánh tại Hải Phòng và TP.Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính

Công ty TNHH kiểm toán VACO

Tầng 4, số 168 Đường Láng, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội

Tel : + (84-4) 3 577 0781

Fax: + (84-4) 3 577 0787

Web: www.vaco.com.vn

E mail: vacohn@vaco.com.vn

Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ; Số 499 – Tổ đường 5/4, Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng.

Tel : + (84-031) 3 534655

Fax: + (84-031) 3 534316

Web: www.vaco.com.vn

E mail: vacohp@vaco.com.vn

Từ ngày 2/ 10/ 1997 VACO đã mua lại cổ phần của DTT trong liên doanh để trở thành Công ty Kiểm toán đầu tiên được công nhận là thành viên của hãng Kiểm toán hàng đầu thế giới, có chuyên gia nước ngoài làm thuê cho VACO.

Từ đó đến nay rất nhiều khách hàng trong và ngoài nước tìm đến ký kết hợp đồng với VACO ngày một nhiều. Trong năm 1995, Công ty đã thực hiện 235 hợp đồng Kiểm toán, năm 2000 là gần 500 hợp đồng dịch vụ, năm 2001 được ước tính là trên 500 hợp đồng. VACO có rất nhiều khách hàng có mối quan hệ lâu dài, thường xuyên như các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh...

2.1.2. Các loại hình dịch vụ công ty TNHH kiểm toán VACO cung cấp cho khách hàng.

Công việc của công ty là kiểm toán báo cáo tài chính theo luật định, soát xét báo cáo tài chính, rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng với mục đích tư vấn nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, quản lý tài chính của doanh nghiệp... Công ty tiến hành cung cấp các dịch vụ cho khách hàng như :

Dịch vụ kiểm toán độc lập

Công ty TNHH kiểm toán VACO có bề dày kinh nghiệm và danh tiếng trong việc cung cấp các dịch vụ như kiểm toán tình hình hàng năm, soát xét định kỳ, và kiểm toán tổng hợp cho các Công ty đa Quốc gia đến các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Công ty cổ phần. Các dịch vụ kiểm toán của công ty bao gồm:

-Kiểm toán báo cáo tài chính theo luật định

- Kiểm toán báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt
- Kiểm toán hoạt động
- Kiểm toán tuân thủ
- Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
- Kiểm toán các công trình xây dựng cơ bản
- Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án
- Soát xét thông tin trên báo cáo tài chính
- Kiểm tra thông tin trên cơ sở các thủ tục thoả thuận trước

Dịch vụ kế toán

VACO chuyên cung cấp các dịch vụ kế toán cho khách hàng, đồng thời VACO cũng hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc chuyển đổi các báo cáo tài chính được lập theo hệ thống kế toán Việt Nam phù hợp với các chuẩn mực kế toán quốc tế được chấp nhận.

Cụ thể, các dịch vụ kế toán bao gồm:

- Ghi sổ kế toán
- Lập báo cáo tài chính
- Soát xét công tác kế toán, hệ thống kế toán
- Đào tạo và hội thảo

Dịch vụ tư vấn thuế

VACO có kinh nghiệm trong việc áp dụng các quy trình tư vấn và gợi ý các giải pháp thiết thực về thuế phù hợp với các đối tượng khách hàng:

- Soát xét tính tuân thủ luật thuế của doanh nghiệp
- Tính và lập tờ khai các loại thuế
- Tư vấn thuế cho chuyên gia nước ngoài
- Hỗ trợ nhà đầu tư tham gia thị trường
- Hoạch định chiến lược thuế
- Cơ cấu kinh doanh có hiệu quả cho mục đích tính thuế
- Tư vấn cơ cấu tối ưu hoá thuế đa quốc gia

Dịch vụ kiểm soát rủi ro doanh nghiệp ERS

- Soát xét và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ
- Kiểm toán nội bộ
- Kiểm soát, đánh giá rủi ro hệ thống công nghệ thông tin
- Các dịch vụ kiểm soát và tư vấn rủi ro khác

Dịch vụ tư vấn và giải pháp doanh nghiệp

- Tư vấn huy động vốn
- Tư vấn doanh nghiệp
- Soát xét toàn diện hoạt động doanh nghiệp
- Tư vấn tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp
- Tư vấn mua bán, tách, sáp nhập, giải thể doanh nghiệp
- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp

Dịch vụ kiểm toán các công trình xây dựng cơ bản

- Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành các hạng mục công trình, dự án.
- Kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của các Ban quản lý.
- Kiểm toán xác định giá trị quyết toán công trình.

Dịch vụ kiểm toán dự án

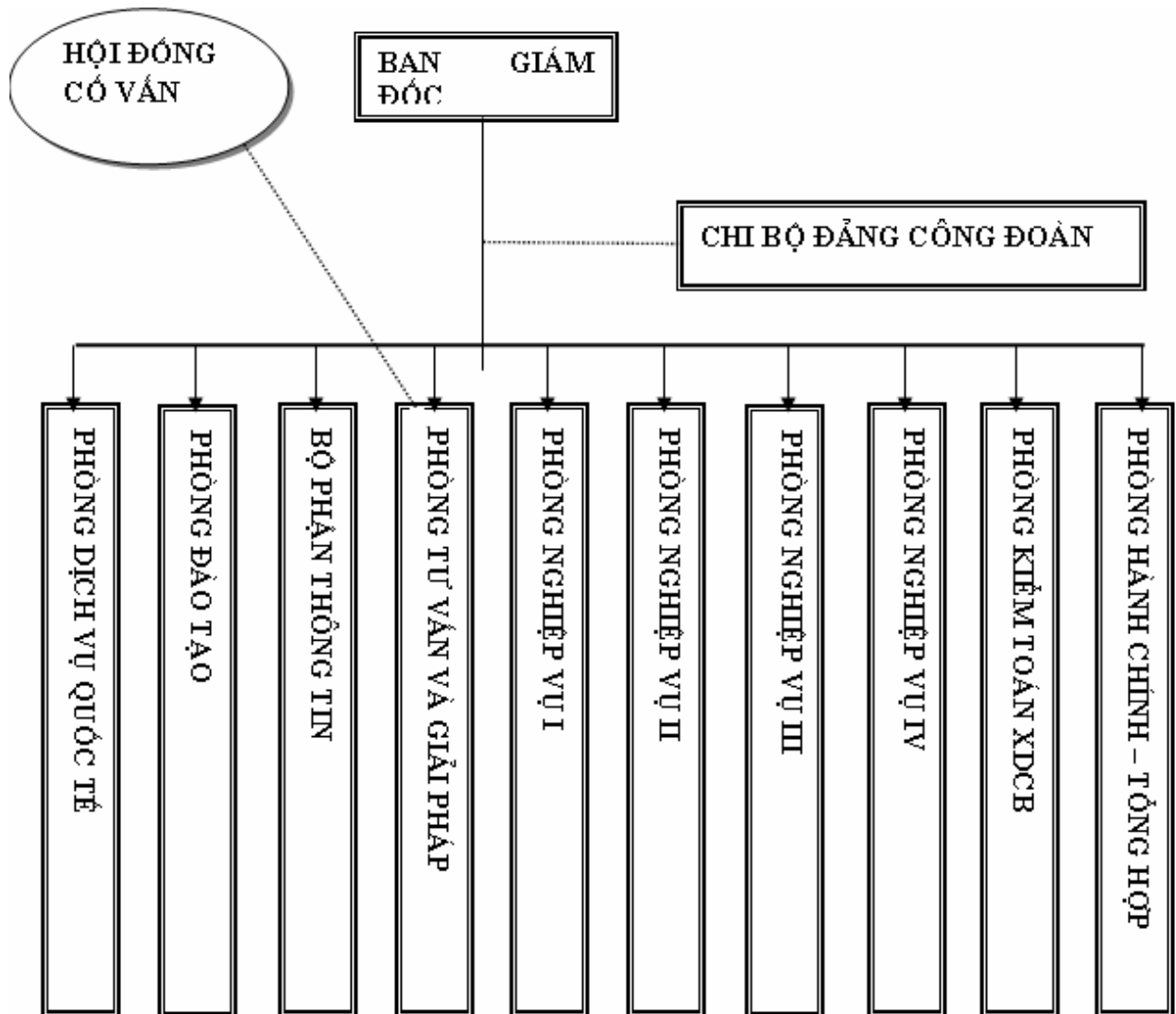
- Kiểm toán độc lập
- Soát xét hệ thống kiểm soát nội bộ
- Kiểm soát tính tuân thủ của dự án
- Đánh giá khả năng thực hiện dự án
- Hướng dẫn quản lý dự án.

Dịch vụ đào tạo và quản lý nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo và hội thảo
- Quản lý nguồn nhân lực

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty .

Sơ đồ 2.1 : Tổ chức bộ máy hoạt động của công ty TNHH kiểm toán VACO



VACO được chia thành 9 phòng, các phòng được phân công nhiệm vụ theo từng loại hình khách hàng và loại dịch vụ.

Phòng nghiệp vụ I II III có nhiệm vụ thực hiện các cuộc kiểm toán cho các doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt các tổng công ty 90, 91.

Phòng nghiệp vụ IV thực hiện kiểm toán các dự án đầu tư nước ngoài, các hợp đồng kinh doanh

Phòng đào tạo ngoài việc đào tạo nghiệp vụ cho các nhân viên mới và tổ chức các khóa học nâng cao kiến thức cho cán bộ nhân viên công ty, Phòng cũng thực hiện kiểm toán chung với các công ty kiểm toán khác cho doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính (các công ty bảo hiểm, các ngân hàng...),

Phòng dịch vụ quốc tế (ISD), thực hiện kiểm toán các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Phòng tư vấn và giải pháp tiến hành công việc tư vấn cho khách hàng trên nhiều lĩnh vực như thuế, tư vấn tài chính - kế toán, giải pháp quản lý, giải pháp hệ thống máy tính...

Phòng kiểm toán xây dựng cơ bản chuyên kiểm toán các doanh nghiệp, dự án hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

Phòng hành chính tổng hợp đồng thời là phòng tài chính kế toán của công ty, là nơi quản lý nhân sự, các thủ tục hành chính, quản lý sổ sách kế toán của công ty.

Các phòng nghiệp vụ được chuyên môn hóa nhưng trong một số cuộc kiểm toán lớn, có thể sử dụng nhân viên ở nhiều phòng cùng tham gia kiểm toán.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

- Chế độ kế toán áp dụng hiện nay : Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

- Niên độ kế toán : Bắt đầu từ ngày 1/1 kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Kì kế toán là từng tháng trong năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam.

- Phương pháp tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ.

- Hình thức ghi sổ kế toán : Nhật kí chung

- Phương pháp tính khấu hao :

Nguyên tắc xây dựng nguyên giá TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình : xác định theo nguyên giá và GTCL của tài sản.

Phương pháp tính khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình : phương pháp khấu hao đường thẳng.

2.2. Thực trạng công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC do Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng Thực hiện.

2.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán

2.2.1.1. Xem xét chấp nhận hợp đồng

Đây là công việc kiểm toán được công ty TNHH kiểm toán VACO thực hiện nhằm xác định có thể tiếp tục kiểm toán cho một khách hàng cũ hay thực hiện một hợp đồng kiểm toán với khách hàng mới. Trên cơ sở đó kiểm toán viên sẽ xây dựng kế hoạch kiểm toán phù hợp.

Hội Đồng Quản Trị công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và cổ đông mong muốn BCTC được kiểm toán bởi VACO để tăng tính tin cậy với BCTC. Yêu cầu soát xét BCTC 6 tháng đầu năm và Kiểm toán BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là khách hàng lâu năm của VACO, công ty niêm yết trên sàn từ tháng 3/2011. Tính chính trực của Ban Giám đốc được đánh giá cao. Cơ cấu quản lý tổ chức, loại hình kinh doanh và đặc thù công tác kiểm toán tại công ty không có lưu ý đặc biệt. Căn cứ vào hồ sơ kiểm toán của năm trước và dựa vào những hiểu biết sơ bộ về quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, công ty quyết định ký kết hợp đồng thực hiện kiểm toán BCTC Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy cho năm 2013.

Công ty kiểm toán VACO xem xét những yêu cầu của khách hàng để lập kế hoạch kiểm toán và phân công lao động phù hợp cho cuộc kiểm toán. Số lượng, chất lượng của cuộc kiểm toán phụ thuộc vào độ phức tạp của công việc, quy mô của đơn vị khách hàng và yêu cầu cụ thể của từng khách hàng. Nhóm kiểm toán tại công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy gồm:

Lương Thị Thúy – Phó Giám đốc Chi nhánh

Vũ Thị Thanh Hoa – Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Hải Yến – Trợ lý kiểm toán

Phạm Thị Thu Hương – Trợ lý kiểm toán

Nhóm kiểm toán tiến hành từ ngày 04/01/2014 đến 06/01/2014, nhóm kiểm toán kiểm tra tính độc lập khách quan trước khi cung cấp dịch vụ cho khách

hàng. Chất lượng kiểm toán được điều khiển bởi Lương Thị Thúy – Phó giám đốc chi nhánh cùng Giám đốc.

Cam kết về tính độc lập của thành viên nhóm kiểm toán

Để đảm bảo không tồn tại các yếu tố trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính độc lập và đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên và trợ lý kiểm toán tham gia nhóm kiểm toán cần thực hiện thủ tục soát xét các yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên. Sau khi thực hiện thủ tục soát xét kiểm toán viên và nhóm kiểm toán lập Bản cam kết về tính độc lập.

BẢN CAM KẾT VỀ TÍNH ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc

Từ nhóm kiểm toán: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy

Phòng: Chi nhánh Hải Phòng

V/v: Bản cam kết về tính độc lập của kiểm toán viên

Chúng tôi đã đọc và hiểu rõ về tính độc lập của kiểm toán viên. Trên cơ sở đó, chúng tôi xin cam đoan, với sự trung thực tuyệt đối của mình đã thực hiện đúng quy chế và không thấy có dấu hiệu nào được xem là vi phạm đến quy chế về tính độc lập của kiểm toán viên

Thành viên nhóm kiểm toán	Vị trí trong nhóm	Chữ ký
1) Lương Thị Thúy	Phó Giám đốc Chi nhánh	
2) Vũ Thị Thanh Hoa	Kiểm toán viên	
3) Nguyễn Thị Hải Yên	Trợ lý kiểm toán viên	
4) Phạm Thị Thu Hương	Trợ lý kiểm toán viên	

Hải phòng, ngày 02 tháng 01 năm 2014

2.2.1.2. Thu thập thông tin khách hàng

❖ Thông tin cơ bản:

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần 1 ngày 30/05/2008, thay đổi lần 2 ngày 25/12/2008, thay đổi lần 3 ngày 07/05/2009, thay đổi lần 4 ngày 12/11/2010; thay đổi lần 5 ngày 28/03/2011; thay đổi lần thứ 6 ngày 10/07/2012; thay đổi lần thứ 7 ngày 13/09/2012; thay đổi lần thứ 8 ngày 22/07/2013.

Trụ sở chính: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh – Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 là: 382.499.675.000 đồng.

▪ *Hoạt động chính của Công ty là:*

Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại. Loại hình kinh doanh : Thương mại dịch vụ.

Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt do cùng chịu sự kiểm soát của các cổ đông chính. 75% vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt do Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy góp vốn.

Công ty TNHH Dongfeng Motors Engineering cung cấp trên 50% nguyên liệu, hàng hoá cho Công ty.

Công ty là đại diện chính thức phân phối xe tải của hãng Dongfeng- Trung Quốc, do đó không có đối thủ cạnh tranh, chỉ ảnh hưởng bởi các hãng xe khác

Ngày 10/ 08/ 2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Pruksa International dự kiến thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Theo đó, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam lần lượt là 10.000.000 USD và 40.000.000 USD (trong đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty TNHH Pruksa International lần lượt là 15% và 85%).

Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy cùng chịu sự kiểm soát của các cổ đông chính.

Danh sách cổ đông lớn tại ngày 31/12/2013 như sau:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số cổ phiếu (Cổ phiếu)	Giá trị vốn góp tại 31/12/2013 (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Đỗ Hữu Hạ	18.225.000	182.250.000.000	47,65
2	Ông Đỗ Hữu Hậu	8.049.375	80.493.750.000	21,04
3	Cổ đông khác	11.975.573	119.755.730.000	31,31
	Cộng	38.249.948	382.499.480.000	100,00

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 20 người (tại ngày 01/01/2013 là 22 người).

- *Tổ chức công tác kế toán.*

Niên độ kế toán: Niên độ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán: Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

- ❖ *Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu*

- *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

- *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

- *Công cụ tài chính*

- Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

- *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

- *Dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

- *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- *Tài sản cố định hữu hình và khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Thiết bị văn phòng	03 – 05
Phương tiện vận tải	06 – 10

- *Các khoản trả trước dài hạn*

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

- *Ghi nhận vốn chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông. Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

- *Ngoại tệ*

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

- *Các khoản dự phòng*

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- *Thuế*

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả

hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

❖ ***Tìm hiểu chính sách kế toán tiền lương và lao động tại công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy:***

Năm 2013 số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 20 người, giảm 9.09% so với năm 2012 (năm 2012 là 2 người).

Chính sách tiền lương: Áp dụng theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty đầy đủ theo quy chế lương trong công ty, trên cơ sở pháp luật hiện hành. Công ty trả lương theo đúng hợp đồng lao động và thời gian làm việc thực tế. Công ty thực hiện thanh toán lương bằng tiền mặt vào ngày cuối cùng hàng tháng.

Phụ cấp ăn ca: 20 000đ/ngày chỉ dành cho bộ phận bán hàng, lái xe, kỹ thuật và bảo vệ

Chính sách thưởng: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy thực hiện thưởng cho các cán bộ công nhân viên theo chức danh công việc và hiệu quả kinh doanh của công ty.

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động: Do đặc thù là “ cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” , công ty thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động như: chế độ trợ cấp đặc biệt cho cán bộ là thương binh, trợ cấp cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, tổ chức thăm hỏi người lao động và thân nhân người lao động bị ốm đau, bệnh tật, tử tuất... Công ty thực hiện các chế độ nghỉ phép và nghỉ lễ theo bộ luật lao động.

Cuối mỗi quý có thêm khoản thù lao cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát:

Chủ tịch HĐQT 9.000.000 – Cho cả quý

Ủy viên HĐQT 6.000.000 – Cho cả quý

Trưởng BKS 6.000.000 – cho cả quý

Thành viên BKS 3.000.000 – Cho cả quý

2.2.1.3. Phân tích sơ bộ BCTC

Bảng 2.1: Phân tích sơ bộ Báo Cáo Tài Chính

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG					
Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy					
Ngày khóa sổ: 31/12/2013					
Bảng cân đối kế toán					
Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Biến động		Ghi chú
	Trước KT	Sau KT	VNĐ	%	
A. Tài sản ngắn hạn	565 332 290 341	251 817 624 194	313 514 666 147	124.5%	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	177 384 789 975	11 939 228 027	165 445 561 948	1385.7%	
1. Tiền	177 384 789 975	11 939 228 027	165 445 561 948	1385.7%	Số dư tiền cuối năm do Công ty thu tiền hàng vào cuối năm và chuẩn bị cho việc thanh toán nhà cung cấp vào đầu năm sau.
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	145 835 447 934	29 000 000 000	116 835 447 934	402.9%	
1. Đầu tư ngắn hạn	145 835 447 934	29 000 000 000	116 835 447 934	402.9%	Tăng chủ yếu do Công ty trình bày khoản đầu tư vào Công ty Hưng Việt sang do BGD, HĐQT đã trình cổ đông về kế hoạch rút vốn trong tương lai gần do khó khăn về thị trường bất động sản.
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	110 556 149 557	118 050 563 121	-7 494 413 564	-6.3%	
1. Phải thu của khách hàng	2 511 500 000	51 708 027 857	-49 196 527 857	-95.1%	Khoản phải thu giảm do chính sách thu nợ sớm từ các đại lý bán hàng
2. Trả trước cho người bán	23 900 434 297	12 714 550 954	11 185 883 343	88%	
5. Các khoản phải thu khác	84 144 215 260	53 627 984 310	30 516 230 950	57%	Phải thu khác tăng do việc trình bày khoản phải thu Công ty Hưng Việt trên khoản mục này cuối năm.

IV. Hàng tồn kho	128 012 064 615	88 696 135 277	39 315 929 338	44.3%	
1. Hàng tồn kho	128 012 064 615	88 696 135 277	39 315 929 338	44.3%	Hàng tồn kho tăng chủ yếu do Công ty mới nhập hàng về, đồng thời lượng dư hàng tồn kho phù hợp với tính hình tăng trưởng bán hàng trong năm
V. Tài sản ngắn hạn khác	3 543 838 260	4 131 697 769	-587 859 509	-14.2%	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2 598 175 398	2 125 028 324	473 147 074	22.3%	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	945 662 862	2 006 669 445	-1 061 006 583	-52.9%	
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	197 935 404 093	263 428 718 793	-65 493 314 700	-24.9	
II. Tài sản cố định	3 473 526 784	2 517 384 825	956 141 959	38%	
1. TSCĐ hữu hình	3 473 526 784	2 517 384 825	956 141 959	38%	Trong năm, Công ty đầu tư thêm 01 xe ô tô 04 chỗ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	193 427 347 386	260 824 447 934	-67 397 100 548	-25.8%	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	193 427 347 386		193 427 347 386	-	Đây là khoản đầu tư góp vốn vào Hưng Việt để kinh doanh tòa nhà Gonden land.
3. Đầu tư dài hạn khác		260 824 447 934	-260 824 447 934	-100%	
V. Tài sản dài hạn khác	1 034 529 923	86 886 034	947 643 889	1090.7%	
1. Chi phí trả trước dài hạn	1 034 529 923	86 886 034	947 643 889	1090.7%	Do mua mới 1 số thiết bị, chi phí thuê sửa chữa mặt bằng để ô tô...
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	763 267 694 434	515 246 342 987	248 021 351 447	48.1%	
Nguồn vốn					
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	266 088 637 950	145 064 326 605	121 024 311 345	83.4%	

I. Nợ ngắn hạn	266 088 637 950	145 064 326 605	121 024 311 345	83.4%	
2. Phải trả cho người bán	115 614 178 511	77 671 080 073	37 943 098 438	48.9%	Phải trả tăng do chiếm dụng vốn của Nhà cung cấp
3. Người mua trả tiền trước	9 370 554 610	10 031 054 610	-660 500 000	-6.6%	
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1 223 617 451	234 858 640	988 758 811	421%	
6. Chi phí phải trả	763 500 000	1 120 000 000	-356 500 000	-31.8%	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	130 593 484 096	47 244 020 000	83 349 464 096	176.4%	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8 523 303 282	8 763 313 282	-240 010 000	-2.7%	
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	497 179 056 484	370 182 016 382	126 997 040 102	34.3%	
I. Vốn chủ sở hữu	497 179 056 484	370 182 016 382	126 997 040 102	34.3%	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	382 499 480 000	224 999 810 000	157 499 670 000	70%	Vốn tăng theo nghị quyết đại hội cổ đông
2. Thặng dư vốn cổ phần	14 270 000 000	14 336 000 000	-66 000 000	-0.5%	
8. Quỹ dự phòng tài chính	5 183 151 000	5 183 151 000	0	0%	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3 494 600 000		3 494 600 000	-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	91 731 825 484	125 663 055 382	-33 931 229 898	-27%	
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	763 267 694 434	515 246 342 987	248 021 351 447	48.1%	

Bảng báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh				
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước	Ghi chú
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	498 949 737 897	462 979 754 975	
2. Các khoản giảm trừ				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		498 949 737 897	462 979 754 975	Doanh thu năm 2013 cao hơn do số lượng xe bán tăng
4. Giá vốn hàng bán	VI.27	406 013 362 809	384 968 308 855	
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		92 936 375 088	78 011 446 120	
		0.19	0.17	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	1 462 392 656	350 839 617	
7. Chi phí tài chính	VI.28	4 095 718 081	1 276 641 780	Chi phí tài chính là chênh lệch TG do mua xe dongffeng (TQ) đồng USD
- Trong đó: Lãi vay phải trả			1 060 160 320	
8. Chi phí bán hàng		4 476 983 176	4 049 522 103	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3 502 918 094	2 961 287 978	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		82 323 148 393	70 074 833 876	
11. Thu nhập khác			15 000 002	
12. Chi phí khác		2 000 000	194 547 411	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		- 2 000 000	- 179 547 409	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		82 321 148 393	69 895 286 467	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.30	258 068 291	3 750 000	Thuế TNDN từ lãi TGNH và cho Hưng Việt Tài chính vay. Năm 2012 thuế TNDN ít do có chi phí lãi vay bù trừ với thu lãi tiền gửi, cho vay
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.30			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		82 063 080 102	69 891 536 467	

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy

2.2.1.4. Đánh giá mức trọng yếu

Việc tiến hành đánh giá mức trọng yếu thường do trưởng nhóm thu thập dữ liệu cho những tính toán. Các KTV ước tính mức độ sai sót có thể chấp nhận được. Sau khi tính toán, cả nhóm kiểm toán được thông báo về mức độ trọng yếu chung của báo cáo tài chính để xác định giá trị chênh lệch có thể chấp nhận được đối với các khoản mục kiểm toán mà mình chịu trách nhiệm.

Tại VACO thường mức trọng yếu tổng thể được xác định dựa trên doanh thu và Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu được KTV xác định để đảm bảo tính thận trọng của KTV. Dựa vào mức trọng yếu tổng thể KTV tính ra được mức trọng yếu thực hiện và ngưỡng chênh lệch có thể bỏ qua

Bảng 2.2: Xác định mức trọng yếu (kế hoạch – thực hiện)

MỤC TIÊU: xác định mức trọng yếu kế hoạch và thực hiện		Công việc thực hiện: Xác định mức độ trọng yếu (kế hoạch - thực tế) được lập và phê duyệt theo chính sách của Công ty để thông báo với thành viên nhóm kiểm toán về mức trọng yếu kế hoạch trước khi kiểm toán tại khách hàng	
Chỉ tiêu			
Chỉ tiêu được sử dụng để ước tính mức trọng yếu		Doanh thu	
Giá trị chỉ tiêu được lựa chọn	(a)	498 949 737 897	
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu: Doanh thu: 0.5% - 3%	(b)	2,907%	Lý do lựa chọn tỷ lệ này để xác định mức trọng yếu để đảm bảo tính thận trọng KTV chọn mức trọng yếu.
Mức trọng yếu tổng thể (c)=(a)*(b)	(c)=(a)*(b: doanh thu)	14.502.807.945	
Tỷ lệ để ước tính mức trọng yếu thực hiện (50%-75%)	(d)	73%	
Mức trọng yếu thực hiện	(e)=(c)*(d)	10.587.049.800	
Tỷ lệ sử dụng để ước tính ngưỡng sai sót không đáng kể (0%-4%)	(f)	2%	
Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua được	=(e)*(f)	211.740.996	
Ghi chú về lý do lựa chọn mức trọng yếu trong quá trình kiểm toán			
Theo quy định của CMKT số 320, KTV phải sửa đổi mức trọng yếu trong trường hợp có thêm thông tin trong quá trình kiểm toán mà có thể dẫn đến việc thay đổi mức trọng yếu so với mức đã xác định trước đó. KTV cần ghi rõ lý do của việc thay đổi mức trọng yếu. Việc này phải			

được thành viên BGD phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán phê duyệt. Nếu mức trọng yếu tổng thể được áp dụng thấp hơn mức trọng yếu đã xác định trước đó: KTV phải xác định xem có cần phải sửa đổi lại mức trọng yếu thực hiện, và xem xét nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán tiếp theo có còn phù hợp hay không.

Người soát xét:

Ngày:

Căn cứ vào bảng trên, KTV chọn ra mức trọng yếu để áp dụng khi thực hiện kiểm toán

Chỉ tiêu lựa chọn	Năm trước (dựa trên doanh thu sau kiểm toán)	Năm nay
Mức trọng yếu tổng thể	15.406.845.695	14.502.807.945
Mức trọng yếu thực hiện	10.784.791.987	10.587.049.800
Ngưỡng chênh lệch có thể bỏ qua	215.695.840	211.740.996
<i>Giải thích nguyên nhân có chênh lệch lớn về mức trọng yếu của năm nay so với năm trước</i>		
Số chênh lệch về mức trọng yếu không đáng kể chủ yếu do doanh thu năm nay cao hơn so với năm trước		

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy

2.2.1.5 Lập kế hoạch kiểm toán tổng thể và thiết kế chương trình kiểm toán

Sau khi Xem xét chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng, Lập hợp đồng kiểm toán và lựa chọn nhóm kiểm toán, Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động, Tìm hiểu chính sách kế toán và chu kỳ kinh doanh quan trọng, Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính, Xác định mức trọng yếu. Cuối cùng trưởng nhóm kiểm toán sẽ đưa ra tổng hợp kế hoạch kiểm toán nhằm mục đích đưa ra thủ tục kiểm toán của các phần hành và đưa ra kết luận rằng hợp đồng kiểm toán của công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy đã được lập kế hoạch một cách thích hợp

Việc thực hiện kiểm toán BCTC được tiến hành theo chương trình kiểm toán do công ty và KTV chọn lọc thiết kế trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán. Chương trình kiểm toán sẽ được sửa đổi, bổ sung trong quá trình kiểm toán nếu có những thay đổi về tình huống hoặc do những kết quả ngoài dự đoán của các thủ tục kiểm toán.

Bảng 2.3: Chương trình kiểm toán phải trả người lao động

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoang Huy Ngày khóa số: 31/12/2012 Nội dung: PHẢI TRẢ NGƯỜI LĐ			
A.MỤC TIÊU Đảm bảo các khoản phải trả người LĐ là có thực, thuộc nghĩa vụ thanh toán của DN; đã được hạch toán chính xác, đầy đủ; được đánh giá và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.			
B.THỦ TỤC KIỂM TOÁN			
ST T	Thủ tục	Người thực hiện	Tham chiếu
I. Thủ tục chung			
1	Lập bảng số liệu tổng hợp có so sánh với số dư cuối năm trước. Đối chiếu các số dư trên bảng số liệu tổng hợp với Bảng CĐPS và giấy tờ làm việc của kiểm toán năm trước (nếu có).	THANH HOA	E441
II. Kiểm tra phân tích			
1	So sánh số dư lương phải trả, qui mô của các khoản phải trả này trong tổng nợ phải trả năm nay với năm trước, đánh giá những biến động lớn, bất thường.	THANH HOA	E440
2	So sánh, phân tích biến động chi phí lương năm nay với năm trước, hàng tháng trong năm trên cơ sở kết hợp với những biến động về lao động và chính sách thay đổi lương, đánh giá tính hợp lý.	THANH HOA	E440
III. Kiểm tra chi tiết			
1	Kiểm tra chi tiết bảng lương (chọn bảng lương một số tháng): Chọn một số nhân viên, tiến hành kiểm tra xuyên suốt từ khâu tiếp nhận, ký hợp đồng lao động, chấm công đến việc tính lương và chi trả lương.	THANH HOA	E443
2	Kiểm tra việc tính toán chính xác trên bảng lương bao gồm tổng lương phải trả, các khoản khấu trừ lương thuế TNCN, lương thuần còn phải trả.	THANH HOA	E443
3	Kiểm tra cách phân bổ chi phí tiền lương giữa bảng lương và Sổ Cái để đảm bảo chi phí tiền lương đã được phân bổ phù hợp vào giá thành và chi phí SXKD.	THANH HOA	E443
4	Kiểm tra chính sách lao động của DN, thỏa ước lao động tập thể, đảm bảo các khoản phải trả cho người LĐ đã được ghi nhận đầy đủ, đúng kì như tiền thưởng, tiền hoa hồng, v.v...	THANH HOA	E443
5	Đối chiếu tiền lương phải trả cuối năm với bảng lương đã được phê duyệt hoặc chứng từ chi trả lương phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán, đánh giá các chênh lệch (nếu có).	THANH HOA	E444
IV. Các thủ tục kiểm toán khác			
C.KẾT LUẬN. Chữ ký của người thực hiện: _____ Kết luận khác của Thành viên BGD và/hoặc Chủ nhiệm kiểm toán (nếu có):			

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy năm 2013

2.2.2. Thực hiện kiểm toán tại công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy

2.2.2.1. Đánh giá chung hệ thống kiểm soát nội bộ.

Kiểm toán viên tiến hành các khảo sát hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua các hình thức:

- Phỏng vấn nhân viên của công ty
- Tham quan thực tế tình hình sản xuất, các bộ phận công ty
- Kiểm tra các chứng từ, sổ sách
- Quan sát các thủ tục kiểm soát nội bộ...

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là khách hàng lâu năm của VACO nên KTV dựa vào kết quả đánh giá chung hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty năm trước đó và xem xét có sự thay đổi so với năm nay không. Kiểm toán viên đưa ra nhận định, định hướng ban đầu của mình đối với số lượng bằng chứng cần thu thập thông qua xét đoán nghề nghiệp. Qua quan sát, phỏng vấn các cán bộ quản lý về quy trình kiểm soát, với việc sử dụng bảng câu hỏi để đánh giá chung hệ thống kiểm soát nội bộ của toàn công ty. KTV đưa ra kết luận hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là có hiệu quả nhưng chưa cao, vì vậy, số lượng bằng chứng cần thu thập là trung bình.

2.2.2.2. Thực hiện các thủ tục phân tích

Bảng 2.4: Thủ tục phân tích phải trả người lao động

Mục tiêu: Thực hiện tục phân tích phải trả người lao động		Công việc thực hiện: phân tích lương phải trả NLD năm trước với năm nay, phân tích tỷ trọng phải trả NLD trên tổng nợ phải trả		
Nội dung	Năm 2012	Năm 2013	Chênh lệch	
			+/-	%
Phải trả NLD	1.195.680.000	1.056.380.000	(139.300.000)	(11.7%)
Nhận xét : Phải trả người lao động năm 2013 giảm 139.300.000 so với năm 2012 tương ứng giảm 11.7% nguyên nhân có thể do số lượng người lao động cuối năm giảm so với đầu năm.				
Phân tích tỉ trọng phải trả NLD trên tổng nợ phải trả				
			Tỷ trọng	
Phải trả NLD	1.056.380.000			
Nợ ngắn hạn	266 088 637 950	0.4%		
Tổng nợ phải trả	266 088 637 950	0.4%		
Kế toán theo dõi chung: Hồ Thị Xuân Hòa Bộ phận tính lương: Phạm Minh Tuấn Lương của toàn bộ nhân viên công ty bao gồm: lương cơ bản theo từng bộ phận, phụ cấp ăn ca, phụ cấp khác... tiền thưởng Lương cơ bản được xác định theo mức lương quy định riêng cho từng bộ phận tính theo số ngày làm việc thực tế quy đổi/ 24 ngày Phụ cấp ăn ca 20.000 đồng, áp dụng đối với bộ phận lái xe, kỹ thuật và bảo vệ Lương của các bộ phận theo dõi và hạch toán như sau:				
			TK trích chi phí lương	
Lương của bộ phận văn phòng			642	
Còn lại toàn bộ lương của khối sản xuất			622	
Khách hàng: Công ty Cổ Phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy				
Kì kết thúc: 31/12/2013				

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty Cổ Phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy năm 2013

Sau khi tiến hành thủ tục phân tích chung KTV tiến hành tổng hợp nợ phải trả người lao động theo đối ứng tài khoản lấy số liệu từ Sổ cái TK 334 để xác định cách hạch toán của Công ty có đúng với chế độ kế toán mà doanh nghiệp áp dụng, có nghiệp vụ bất thường phát sinh.

Bảng 2.5: Tổng hợp tiền lương

Mục tiêu Tóm tắt chi phí lương trong 12 tháng năm 2013 Kiểm tra định giá, giá trị,			Công việc thực hiện Tóm tắt chi phí tiền lương Đối chiếu với giấy tờ làm việc khác có liên quan Điều tra và giải thích ý nghĩa khác (nếu có)		
Chi tiết	Nội dung	Số dư tại 01/01/2013	PS nợ	PS có	Số dư tại 31/12/2013
TK334	Phải trả CNV		1,056,380,000	1,056,380,000	-
	Cộng	-	1,056,380,000	1,056,380,000	-
			<A>		
	Khác	0			0
Tổng hợp đối ứng PS có TK 334					
TKĐƯ		PS Nợ	PS Có		
111	Thanh toán lương	1,038,380,000			
3335	Thuế TNCN	18.000.000			
641	Chi phí BH		591,260,000		
642	chi phí QLDN		465,120,000		
	TỔNG	1,056,380,000	1,056,380,000		
		<A>			
Kết luận: Không phát hiện thấy sai sót					
Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy Ngày khóa sổ: 31/12/2013					

Nguồn: Hồ Sơ kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy năm 2013

Bảng 2.6: Phân tích biến động lương

Mục tiêu							Công Việc thực hiện						
Phân tích biến động lương							Tổng hợp chi phí lương chi tiết cho từng tháng						
	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Năm 2013
	2013	2013	2013	2013	2013	2013	2013	2013	2013	2013	2013	2013	
334	73,270,000	70,670,000	118,270,000	72,750,000	73,270,000	118,010,000	73,530,000	73,530,000	118,010,000	73,530,000	73,270,000	118,270,000	1,056,380,000
số nhân viên	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
Phân tích biến động lương:													
Chi phí lương trong tháng 1,2,4,5,7,8,10,11 năm 2013 thay đổi do số ngày làm việc trong tháng khác nhau													
Chi phí lương trong tháng 3, 6, 9, 12 lớn hơn nhiều so với các tháng còn lại do có chi cho HĐQT và BKS													
Chủ tịch HĐQT 9.000.000 – Cho cả quý													
Ủy viên HĐQT 6.000.000 – Cho cả quý													
Trưởng BKS 6.000.000 – cho cả quý													
Thành viên BKS 3.000.000 – Cho cả quý													
Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy													
Ngày khóa sổ: 31/12/2013													

Nguồn : Hồ sơ kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy năm 2013

Bảng 2.7: Kiểm tra thanh toán lương

Mục đích: Kiểm tra thanh toán lương			Công việc thực hiện: Kiểm tra các chứng từ thanh toán lương, so sánh với ghi sổ của khách hàng. Kiểm toán viên kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu 6 tháng cuối năm 2013				
Ct	Ngày	Số	Diễn giải	Tk nợ	Tk có	Tiền	Đối tượng
PC	31/07/13	PC053	Thanh toán tiền lương tháng 7/13	3341	1111	73 530 000	TRANG
PC	31/08/13	PC032	Thanh toán lương tháng 8/2013	3341	1111	73 530 000	TRANG
PC	30/09/13	PC037	Thanh toán lương tháng 9/2013	3341	1111	73 010 000	TRANG
PC	30/09/13	PC039	Chi lương HĐQT và BKS quý 3 năm 2013	3341	1111	40 500 000	TRANG
PC	31/10/13	PC031	Thanh toán lương tháng 10/2013	3341	1111	73 530 000	TRANG
PC	30/11/13	PC051	Thanh toán lương tháng 11/2013	3341	1111	73 270 000	TRANG
PC	31/12/13	PC089	Thanh toán lương tháng 12/2013	3341	1111	73 270 000	TRANG
PC	31/12/13	PC091	Thanh toán thù lao HĐQT và BKS quý 4/2013	3341	1111	40 500 000	TRANG
CT	ST	Khác	Chú ý				
PC053	73 530 000		chưa có bảng lương cứng				
PC032	73530000		thiếu chu kỳ của 4 ng: Độ, hòa, trang, lâm (ban QL)				
PC037	73010000		thiếu chu kỳ của 4 ng: Độ, hòa, trang, lâm (ban QL)				
PC039	40500000		thiếu chu kỳ của 2 ng: hậu, trang				
PC031	73530000		thiếu chu kỳ của 4 ng: Độ, hòa, trang, lâm (ban QL)				
PC051	73270000		chưa có bảng lương cứng				
PC089	73270000		chưa có bảng lương cứng				
PC091	40500000		chưa có bảng lương cứng				
Kết luận: đạt mục tiêu kiểm toán							
Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy							
Ngày khóa sổ: 31/12/2013							

Nguồn : Hồ sơ kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy năm 2013

Bảng 2.8: Kiểm tra lại cách tính lương

Mục tiêu: Tính toán lại lương thực trả người lao động		Công việc thực hiện: - Chọn mẫu tháng tháng 10 để tính lại chi phí lương - So sánh với số hạch toán - Giải thích chênh lệch (nếu có)				
STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương thời gian	ăn ca 20.000/ ngày		Tổng
				ngày công	thành tiền	
1	Vũ Văn Cảnh	GD	4,350,000	27		4,350,000
2	Phạm Văn Mạn	PGĐ	4,060,000	27		4,060,000
3	Phạm Minh Tuấn	Kế toán	3,600,000	27		3,600,000
4	Nguyễn Trung Độ	PGĐ	2,750,000	27		2,750,000
5	Hồ Thị Xuân Hòa	KTT	3,300,000	27		3,300,000
6	Đỗ Thị Huyền Trang	Thủ quỹ	2,400,000	27		2,400,000
7	Vũ Duy Phong	Quản lý	3,850,000	27		3,850,000
8	Hoàng Thanh Tùng	PGĐ KD	3,700,000	27	540,000	4,240,000
9	Nguyễn Thanh Tùng	XNK	3,300,000	27	540,000	3,840,000
10	Lê Quang Thủy	Lái xe	3,300,000	27	540,000	3,840,000
11	Đoàn Ngọc Hùng	Kỹ thuật	3,300,000	27	540,000	3,840,000
12	Nguyễn Danh Giang	Kỹ thuật	3,300,000	27	540,000	3,840,000
13	Vũ Minh Ngọc	NV KD	3,300,000	27	540,000	3,840,000
14	Đoàn Văn Thành	NV KD	2,750,000	27	540,000	3,290,000
15	Nguyễn Mạnh Hùng	NV KD	3,300,000	27	540,000	3,840,000
16	Nguyễn Tiến Thắng	NV KD	3,300,000	27	540,000	3,840,000
17	Nguyễn Văn Hòe	Kỹ thuật	3,300,000	27	540,000	3,840,000
18	Vũ Văn Thiết	Kỹ thuật	3,300,000	27	540,000	3,840,000
19	Trần Văn Thế	Bảo Vệ	3,300,000	27	540,000	3,840,000
20	Trần Ngọc Quang	Bảo vệ	2,750,000	27	540,000	3,290,000
	Tổng					73,530,000
	Số hạch toán					73,530,000
Phụ cấp ăn ca: 20 000/ngày Chỉ dành cho bộ phận bán hàng, lái xe, kỹ thuật và bảo vệ						
Kết luận: Đạt mục tiêu kiểm toán Số liệu khớp BCTC						
Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy Ngày khóa sổ: 31/12/2013						

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoang Huy 2013

Bảng 2.9: Kiểm tra tính thuế thu nhập cá nhân

Mục tiêu: Kiểm tra tính thuế thu nhập cá nhân		Công việc thực hiện: - Chọn mẫu tháng tháng 10 để tính - So sánh với số hạch toán - Giải thích chênh lệch (nếu có)				
STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương thời gian	Thuế TNCN-KTV	Thuế TNCN-Kế toán	Chênh lệch
Tháng 10						
1	Phạm Minh Tuấn	Kế toán	3.600.000	160.000	160.000	-
2	Đoàn Văn Thành	Công nhân	2.750.000	75.000	75.000	-
3	Đỗ Thị Huyền Trang	Thủ quỹ	2.400.000	40.000	40.000	-
4	Lê Quang Thủy	Lái xe	3.300.000	130.000	130.000	-
5	Đoàn Ngọc Hùng	Kỹ thuật	3.300.000	130.000	130.000	-
6	Nguyễn Danh Giang	Kỹ thuật	3.300.000	130.000	130.000	-
7	Vũ Minh Ngọc	NV KD	3.300.000	130.000	130.000	-
8	Nguyễn Mạnh Hùng	NV KD	3.300.000	130.000	130.000	-
9	Nguyễn Tiến Thắng	NV KD	3.300.000	130.000	130.000	-
10	Nguyễn Văn Hòe	Kỹ thuật	3.300.000	130.000	130.000	-
11	Vũ Văn Thiết	Kỹ thuật	3.300.000	130.000	130.000	-
12	Trần Văn Thế	Bảo Vệ	3.300.000	130.000	130.000	-
13	Trần Ngọc Quang	Bảo vệ	2.750.000	75.000	75.000	-
	Tổng			1.520.000	1.520.000	-
Tháng 1	73,270,000			1.495.000	1.495.000	-
Tháng 2	70,670,000			1.480.000	1.480.000	-
Tháng 3	118,270,000			1.500.000	1.495.000	-
Tháng 4	72,750,000			1.485.000	1.495.000	-
Tháng 5	73,270,000			1.495.000	1.495.000	-
Tháng 6	118,010,000			1.495.000	1.495.000	-
Tháng 7	73,530,000			1.520.000	1.520.000	-
Tháng 8	73,530,000			1.520.000	1.520.000	-
Tháng 9	118,010,000			1.495.000	1.495.000	-
Tháng 11	73,270,000			1.495.000	1.495.000	-
Tháng 12	118,270,000			1.500.000	1.495.000	-
Tổng	1,056,380,000			18.000.000	18.000.000	
<p>Kết luận: Đạt mục tiêu kiểm toán Số liệu khớp BCTC Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy Ngày khóa số: 31/12/2013</p>						

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy 2013

Bảng 2.10: Bảng chấm công tháng 10 năm 2013

stt	Họ và tên	Ngày trong tháng																														Quy ra công			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	HL	Phép	KL
1	Vũ Văn Cảnh	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
2	Phạm Văn Mạn	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
3	Phạm Minh Tuấn	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
4	Nguyễn Trung Độ	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
5	Hồ Thị Xuân Hòa	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
6	Đỗ Thị Huyền Trang	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
7	Vũ Duy Phong	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
8	Hoàng Thanh Tùng	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
9	Nguyễn Thanh Tùng	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
10	Lê Quang Thủy	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
11	Đoàn Ngọc Hùng	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
12	Nguyễn Danh Giang	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
13	Vũ Minh Ngọc	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
14	Đoàn Văn Thành	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
15	Nguyễn Mạnh Hùng	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
16	Nguyễn Tiên Thắng	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
17	Nguyễn Văn Hòe	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
18	Vũ Văn Thiết	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
19	Trần Văn Thế	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
20	Trần Ngọc Quang	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	v		v	v	v	v	v	27	-	-
Kết luận: Số liệu khớp BCTC Đạt mục tiêu kiểm toán Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy Ngày khóa sổ: 31/12/2013																																			

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy 2013

Bảng 2.11: Kiểm tra hợp đồng lao động và hồ sơ thương binh

Mục tiêu: Kiểm tra hồ sơ thương binh		Công việc thực hiện: Kiểm tra các hồ sơ liên quan <1>: Kiểm tra hồ sơ nhân sự (bằng cấp, lý lịch, thẻ thương binh,...) <2>: Kiểm tra tính có thật của chữ ký người lao động trên hợp đồng lao động <3>: Kiểm tra thông tin									
Stt	Họ và tên	NV CT	NV HD	Chức vụ	Thẻ thương binh	<1>	<2>	<3>	Thương tật	Năm sinh	Tuổi lao động cho đến năm 2013
1	Vũ Văn Cảnh	v		GD						1945	68
2	Phạm Văn Mạn	v		PGĐ	bản photo, chưa công chứng	v	v	v	1/4- 81%	1945	68
3	Hoàng Thanh Tùng	v		PGĐ KD	v	v	v	v	Hạng 3- 51%	1950	63
4	Nguyễn Mạnh Hùng		v	NV KD	bản photo, chưa công chứng	v	v	v	3/4-31%	1955	58
5	Nguyễn Thanh Tùng	v		XNK	v	v	v	v	3/4-31%	1950	63
6	Lê Quang Thủy		v	Lái xe	bản photo, chưa công chứng	v	v	v	Hạng 4/4-21%	1952	61
7	Vũ Minh Ngọc		v	NV KD	v	v	v	v	Hạng 2/4	1952	61
8	Trần Ngọc Quang		v	Bảo vệ	v	v	v	v	1/4- 81%	1950	63
9	Đoàn Văn Thành		v	Công nhân	v	v	v	v	Hạng 3- 41%	1951	62
10	Đoàn Ngọc Hùng		v	Kỹ thuật	v	v	v	v	Hạng 2- 61%	1953	60
11	Nguyễn Tiên Thắng		v	NV KD	v	v	v	v	Hạng 4-31%	1955	58
12	Trần Văn Thế		v	Bảo vệ	bản photo, chưa công chứng	v	v	v	1/4- 81%	1965	48
13	Vũ Văn Thiết		v	Kỹ thuật	bản photo, chưa công chứng	v	v	v	1/4- 81%	1951	62
14	Nguyễn Văn Hòe		v	Kỹ thuật	v	v	v	v	Hạng 4/4-21%	1948	65
15	Đỗ Thị Huyền Trang		v	Thủ quỹ		v	v	v		1960	43
16	Hồ Thị Xuân Hòa	v		Kê toán trưởng		v	v	v		1965	48

17	Nguyễn Danh Giang		v	Kỹ thuật	bản photo, chưa công chứng	v	v	v	Hạng ¾	1948	65
18	Phạm Minh Tuấn		v	Kế toán		v	v	v	Khuyết tật	1982	31
19	Nguyễn Trung Độ	v		PGĐ		v	v	v		1951	62
20	Vũ Duy Phong	v		Quản lý		v	v	v		1950	61

Kết luận tại kỳ 31/12/2013:

Hiện tại công ty đang có 4/20 lao động thương binh hạng 1/4.

Công ty đang có 12/20 đối tượng lao động tuổi từ 60 trở lên

Công ty không thực hiện trích BHXH do nhân viên công ty là những người đã qua tuổi lao động, đã về hưu nhưng vẫn đi làm.

Những nhân viên còn lại của công ty đều là nhân viên hợp đồng nên không được trích các khoản Bảo Hiểm. Đối với những đối tượng này, khi thu nhập từ 2.000.000 đồng/tháng trở lên sẽ phải nộp thuế TNCN 10% và không được giảm trừ bản thân.

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy

Ngày khóa sổ: 31/12/2013

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy 2013

2.2.3. Kết thúc kiểm toán

Xem xét phát hiện và đưa ra bút toán điều chỉnh, thảo luận với khách hàng về các điều chỉnh. Do các khoản mục có liên quan mật thiết đến các tài khoản khác trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh nên kiểm toán viên phải xem xét ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh của các khoản mục với nhau.

Xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán: không có sự kiện phát sinh ảnh hưởng đến BCTC 2013

Soát xét giấy tờ làm việc: trong quá trình kiểm toán, sau khi hoàn thành các công đoạn nhất định thì phần làm việc của kiểm toán viên và trợ lý kiểm toán đều được soát xét bởi trưởng nhóm kiểm toán. Nếu có vấn đề phát sinh hoặc bút toán điều chỉnh trưởng nhóm kiểm toán sẽ trao đổi trực tiếp với kiểm toán viên hoặc trợ lý kiểm toán thực hiện phần hành đó. Sau khi hoàn thành công việc kiểm toán tại đơn vị, hồ sơ kiểm toán sẽ tiếp tục được soát xét bởi Trưởng phòng kiểm toán và Ban giám đốc trước khi phát hành báo cáo hoặc biên bản kiểm toán.

Sau khi thống nhất với khách hàng về các bút toán điều chỉnh và xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán kiểm toán viên tổng hợp các công việc kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán.

Số: /VACOHP/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28/02/2014, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp

của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 07, khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt tại ngày 31/12/2013 với số tiền 145.835.447.934 đồng đã được các cổ đông lớn của Công ty cam kết chịu trách nhiệm trong việc thu hồi khoản phải thu này bằng tài sản cá nhân.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty áp dụng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Nguyễn Hồng Hiên

Giám đốc Chi nhánh

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán:

1117-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH

KIỂM TOÁN VACO

TẠI HẢI PHÒNG

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Đỗ Bình Dương

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán:

1953-2013-156-1

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm 2013, Công ty thực hiện tăng vốn chủ sở hữu thông qua việc chia cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu nên trong năm không phát sinh khoản thu tiền từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn và không phát sinh khoản chi trả cổ tức cho chủ sở hữu với giá trị là 112.499.710.000 đồng.

Khoản góp vốn của Công ty vào Công ty TNHH Pruksa Việt Nam trị giá 33.427.347.386 đồng trong năm 2013 được thực hiện thông qua việc bàn giao các chi phí Công ty đã thực hiện cho Dự án nên không phát sinh việc chuyển tiền đầu tư vào Công ty TNHH Pruksa Việt Nam. Vì vậy, một khoản tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/giảm các khoản phải thu.

Hồ Thị Xuân Hòa**Người lập biểu**

Hồ Thị Xuân Hòa**Kế toán trưởng**

Vũ Văn Cảnh**Giám đốc***Ngày 28 tháng 02 năm 2014*

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN CHU KÌ TIỀN LƯƠNG VÀ LAO ĐỘNG TRONG KIỂM TOÁN BCTC DO CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG THỰC HIỆN

3.1. Kết quả đạt được trong công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC do chi nhánh công ty TNHH kiểm toán VACO thực hiện.

Về quy trình kiểm toán do VACO xây dựng tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Với các bước trong quy trình chung là lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán, kết thúc kiểm toán Công ty đã vận dụng linh hoạt để hoàn thiện quy trình, từ đó nâng cao chất lượng cuộc kiểm toán.

Đi sâu vào từng giai đoạn trong quy trình kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động có thể nhận thấy một số ưu điểm của Công ty như sau:

3.1.1. Lập kế hoạch kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán VACO đã xây dựng một chương trình kiểm toán chuẩn áp dụng cho các cuộc kiểm toán. Chương trình kiểm toán được xây dựng cho các chu kỳ kiểm toán một cách hợp lý giúp cho KTV dễ dàng trong quá trình thực hiện kiểm toán. Tuy nhiên, đây chỉ là cơ sở để KTV có thể thực hiện cuộc kiểm toán, các KTV trong Công ty luôn kết hợp giữa chương trình kiểm toán và điều kiện thực tế tại đơn vị khách hàng, đặc điểm về chu kỳ tiền lương và lao động của họ. Từ đó, KTV thiết lập thêm các thủ tục kiểm toán chi tiết phù hợp với từng khách hàng cụ thể. Điều đó có nghĩa là chương trình kiểm toán của Công ty được các KTV áp dụng một cách linh hoạt, phù hợp với đặc điểm riêng của mỗi khách hàng chứ không máy móc, dập khuôn. Nhờ đó, chất lượng cuộc kiểm toán được nâng cao.

Để đảm bảo việc thực hiện công việc hợp lý và tránh được rủi ro, trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán sau khi thu thập các thông tin của khách hàng thì công ty tiến hành tiếp thủ tục đánh giá hệ thống KSNB; thủ tục phân tích sơ bộ Báo cáo tài chính; đánh giá tính trọng yếu và rủi ro xảy ra sai sót trong BCTC của khách hàng. Bước công việc này đã được công ty đưa vào thực hiện có tầm quan trọng với chất lượng của cuộc kiểm toán.

3.1.2. Thực hiện kiểm toán

Trong quá trình kiểm toán, KTV đã kết hợp giữa các phần hành kiểm toán giúp công việc kiểm toán hiệu quả hơn. Khi thực hiện kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động, KTV đã thực hiện việc đối chiếu kết quả với các phần hành kiểm toán như: chi phí nhân công, doanh thu,... Nó giúp KTV giảm thiểu khối lượng công việc cần làm, không bị trùng lặp trong công việc. Hay với kiểm toán những vấn đề như thanh toán lương, KTV có thể sử dụng kết quả kiểm toán của các phần hành tiền, chi phí...

3.1.3. Kết thúc kiểm toán

Kết thúc kiểm toán là giai đoạn cuối cùng của cuộc kiểm toán nhằm tổng hợp công việc kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán.

Công ty luôn chú trọng công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán trong toàn bộ cuộc kiểm toán và đặc biệt là trong giai đoạn kết thúc kiểm toán. Việc kết thúc kiểm toán cũng được kiểm tra cơ bản, tuân thủ theo quy định chung của ngành kiểm toán độc lập cũng như quy định của Công ty. Cụ thể, cuối mỗi ngày làm việc giấy tờ làm việc đều được nộp cho trưởng nhóm kiểm toán để soát xét nắm bắt được tiến độ công việc từ đó có thể điều chỉnh chương trình kiểm toán cho phù hợp với thực tế hoạt động.

Chính nhờ phương pháp và cách thức làm việc có kỉ luật và khoa học trên, tất cả các công việc được giao tại cuộc kiểm toán do công ty TNHH Kiểm toán VACO thực hiện đã hoàn thành đúng kế hoạch. Các giấy tờ làm việc của KTV được trình bày khoa học, hợp lý theo hồ sơ kiểm toán. Các KTV không ngừng nâng cao hiệu quả công việc ở mức tối đa nhưng vẫn đảm bảo thu thập bằng chứng kiểm toán một cách chất lượng. Nhờ đó kết quả kiểm toán chu kỳ tiền lương, lao động nói riêng và toàn bộ BCTC nói chung Công ty TNHH Kiểm toán VACO đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình khách hàng.

3.1.4. Kiểm soát chất lượng kiểm toán

Quy trình kiểm soát chất lượng kiểm toán tại VACO được thiết kế khá chặt chẽ, theo hai cấp với sự phân công phân nhiệm rõ ràng: Trưởng nhóm kiểm toán, Ban giám đốc. Kết thúc quá trình kiểm toán trưởng nhóm có trách nhiệm soát xét các tổng hợp của kiểm toán viên, xem xét lại các bằng chứng kiểm toán đã thu thập cùng các nhận xét đánh giá của kiểm toán viên khác để đảm bảo tính

chính xác của kết luận kiểm toán, sau đó chuyển Hồ sơ kiểm toán lên Ban giám đốc. Ban giám đốc là người soát xét cuối cùng và quyết định việc phát hành báo cáo kiểm toán. Do được kiểm soát chặt chẽ như vậy nên chất lượng hoạt động kiểm toán của công ty đã tạo được sự tin tưởng và đánh giá cao từ khách hàng.

3.1.5. Ghi chép, lưu trữ giấy tờ làm việc, hồ sơ kiểm toán

Trong quá trình tiến hành kiểm toán, KTV thể hiện các công việc mà mình thực hiện trên các giấy tờ làm việc. Do vậy giấy tờ làm việc có vai trò rất quan trọng, là cơ sở đảm bảo bằng chứng có tính thuyết phục cao. Nhận thức rõ điều đó nên tại Công ty VACO việc ghi chép lưu trữ giấy tờ làm việc được thực hiện nghiêm túc và khoa học. Giấy tờ làm việc của từng khách hàng được lưu vào file riêng theo trình tự tham chiếu Công ty đã quy ước. Ngoài gáy file có ghi rõ tên khách hàng, tên hồ sơ là Hồ sơ kiểm toán BCTC, năm được kiểm toán, Số thứ tự của file/tổng số file, bộ phận quản lý hồ sơ, rất thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần. Các giấy tờ làm việc trong một phần hành được đánh ký hiệu tham chiếu rõ ràng, tham chiếu đến các vấn đề có liên quan, giúp người đọc dễ dàng theo dõi. Các ký hiệu viết tắt giải thích các thủ tục kiểm toán đã thực hiện được ghi bằng màu mực khác với màu mực ghi chép số liệu để dễ nhận biết.

3.1.6. Đội ngũ nhân viên công ty

Đội ngũ nhân viên năng động nhiệt tình, yêu nghề, có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của đội ngũ KTV nên Công ty rất chú trọng vấn đề đào tạo bồi dưỡng nhân tố này thông qua các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện, tài trợ cho nhân viên học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ như học lấy chứng chỉ kiểm toán viên, học cao học...

3.2. Những tồn tại trong công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC do chi nhánh công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng thực hiện.

Bên cạnh những ưu điểm trên, VACO vẫn còn một số tồn tại trong quy trình kiểm toán BCTC nói chung và kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động nói riêng.

3.2.1. Thủ tục khảo sát hệ thống kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ tiền lương và lao động

Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán Công ty mới đánh giá chung hệ thống KSNB của toàn Công ty khách hàng chứ chưa đánh giá cho từng chu kỳ, khoản mục. Khi thực hiện khảo sát hệ thống KSNB của từng chu kỳ, khoản mục sẽ giúp KTV nhận diện, đánh giá được những điểm mạnh điểm yếu của hệ thống KSNB. Trên cơ sở hiểu biết về hệ thống KSNB KTV sẽ hình dung được khối lượng, độ phức tạp của công việc, đánh giá sơ bộ về rủi ro kiểm soát. Từ đó KTV xác định được phương hướng phạm vi kiểm tra, thiết kế các thủ tục kiểm toán. Tại VACO do công ty không thực hiện khảo sát hệ thống KSNB của từng khoản mục, chu kỳ nên đối với các khách hàng mới và nhiều trường hợp khác các KTV phải sử dụng các thủ tục thay thế để tiến hành kiểm toán vì không có cơ sở tin tưởng vào hệ thống KSNB tại công ty khách hàng, điều này sẽ làm tốn thời gian và chi phí kiểm toán.

3.2.2. Thủ tục phân tích phải trả người lao động

Ở VACO, thủ tục phân tích ít khi được chú trọng. Khi tiến hành thực hiện các thủ tục phân tích, các KTV thường tiến hành so sánh khoản phải trả người lao động của năm nay so với năm trước, tính tỉ trọng tiền lương trong nợ phải trả, nợ ngắn hạn. Việc áp dụng thủ tục phân tích như vậy là rất máy móc và sơ sài, không có sự linh hoạt nên khó có thể thông qua thủ tục phân tích để phát hiện được những biến động bất thường làm cơ sở để xác định hướng kiểm tra chi tiết.

3.2.3. Sự thiếu hụt nhân viên

Sự thiếu hụt nhân viên của VACO Hải Phòng, đặc biệt là kiểm toán viên đã dẫn đến tình trạng khối lượng công việc của một người quá nhiều trong cùng một thời gian ngắn, khó đảm bảo độ chính xác cao trong công việc kiểm toán. Do đó dẫn đến tình trạng nhân viên phải làm việc ngoài giờ quá nhiều, không đảm bảo về sức khỏe cho nhân viên.

Thêm vào đó công ty có một nhân viên chuyên dịch các báo cáo sang tiếng Trung Quốc nhưng lại không có nhân viên chuyên dịch báo cáo sang tiếng Nhật hay Anh. Do vậy các báo cáo này do chính các nhân viên công ty tự dịch, do vậy không đảm bảo tính chính xác về ngữ pháp cũng như ngôn ngữ.

Ngoài ra sự thiếu hụt về nhân lực có thể dẫn đến sự hạn chế về số lượng khách hàng.

3.2.4. Phân bổ tính trọng yếu cho từng khoản mục

Hiện tại công ty không tiến hành phân bổ mức trọng yếu mà chỉ xác định mức trọng yếu tổng thể (PM) và mức trọng yếu thực hiện (MP) dùng cho tất cả các khoản mục trong BCTC. Chính vì thế, trong quá trình thực hiện, đối với các khoản mục nhận thấy có khả năng xảy ra sai sót trọng yếu cao, KTV phải mở rộng quy mô mẫu kiểm tra chi tiết dựa trên phán đoán nghề nghiệp của mình để đảm bảo không có sai sót trọng yếu trên BCTC của khách hàng, dẫn tới kéo dài thời gian, tăng chi phí cuộc kiểm toán

3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC tại Chi nhánh công ty TNHH kiểm toán Vaco tại Hải Phòng

3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC tại Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán VACO tại Hải Phòng.

Theo NĐ 133/2005 – NĐ-CP Ban hành sửa đổi nghị định 105 thì tất cả công ty, doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán (bao gồm công ty TNHH một thành viên và công ty nhà nước) cần phải sửa đổi sở hữu trước ngày 30/04/2007. Nghị định này đã tạo ra một thay đổi lớn trong ngành kiểm toán nước ta, hàng loạt nhóm kiểm toán của các công ty lớn thuộc sở hữu nhà nước như AASC, VACO đã tách ra khỏi công ty thành lập rất nhiều công ty kiểm toán mới. Hơn nữa với sự phát triển của thị trường chứng khoán, số người cần sử dụng thông tin đã được kiểm toán ngày càng tăng điều này đồng nghĩa với trách nhiệm pháp lý của các công ty ngày càng tăng. Trên cơ sở đó tạo ra một môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, đòi hỏi các công ty kiểm toán phải không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán, giảm chi phí nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua hoàn thiện các chu kỳ kiểm toán. Mục tiêu cuối cùng của bất kỳ công ty kiểm toán độc lập nào cũng là lợi nhuận, để đạt được mục tiêu này các công ty kiểm toán độc lập phải cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất và không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ một cách linh hoạt theo cơ chế thị trường. Vì vậy hoàn thiện quy trình kiểm toán

BCTC nói chung và công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động nói riêng là một yêu cầu tất yếu đối với các công ty kiểm toán.

Số lượng các công ty kiểm toán trong nước đã tăng lên một cách nhanh chóng, các loại hình dịch vụ mà các công ty cung cấp ngày càng đa dạng, phong phú và đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của người sử dụng thông tin tài chính. Khách hàng của các công ty kiểm toán cũng ngày càng gia tăng do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hợp tác phát triển kinh tế và sự ra đời của các khu công nghiệp. Để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh, các công ty kiểm toán không còn con đường nào khác là không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, cải thiện đổi mới các thủ tục, quy trình kiểm toán, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại sao cho đạt được hiệu quả cao nhất và tăng uy tín với khách hàng cũng như bạn bè đồng nghiệp.

Trong mọi cuộc kiểm toán, chu kỳ tiền lương và lao động cũng là một trong những chu kỳ được coi trọng nhất đòi hỏi phải được các KTV chú trọng. Kiểm toán chu kỳ này cũng chính là kiểm toán khoản mục chi phí nhân công trực tiếp góp phần tính giá vốn hàng bán và khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp. Đây là những khoản chi phí quan trọng được Ban lãnh đạo các doanh nghiệp luôn quan tâm nghiên cứu để góp phần hoàn thiện các chính sách của công ty nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên lao động, hệ thống quản lý để đẩy mạnh hoạt động sản xuất và uy tín chất lượng của doanh nghiệp.

3.3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động trong kiểm toán BCTC tại Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng.

3.3.2.1. Giải pháp Khảo sát hệ thống kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ tiền lương và lao động.

Trong mỗi cuộc kiểm toán, khi kiểm toán chu kỳ tiền lương và các khoản trích theo lương việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và rủi ro kiểm soát là vấn đề quan trọng và có ảnh hưởng đến việc áp dụng các thủ tục kiểm toán cần áp dụng. Nếu hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị khách hàng được đánh giá là có hiệu lực và mạnh thì kiểm toán viên sẽ thiết kế để giảm bớt các thử nghiệm cơ bản trên số dư và trên các nghiệp vụ. Ngược lại kiểm toán viên sẽ không thể dựa vào hệ thống kiểm soát nội bộ mà sẽ tăng cường các thử nghiệm cơ bản trên số dư và trên các nghiệp vụ.

❖ *Cơ sở của biện pháp*

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 400 –Đánh giá rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ“ KTV có quyền lựa chọn các kỹ thuật khác nhau để lưu trữ thông tin liên quan đến hệ thống kế toán và hệ thống KSNB. Hình thức và phạm vi lưu trữ tài liệu về đánh giá rủi ro kiểm soát tùy thuộc vào quy mô và tính chất phức tạp của đơn vị và của hệ thống kế toán và hệ thống KSNB của đơn vị”. Chính vì vậy, tùy thuộc vào đặc điểm của từng khách hàng mà KTV cần quyết định sử dụng phương pháp mô tả hệ thống KSNB cho phù hợp.

❖ *Biện pháp thực hiện*

Tại VACO các KTV không tìm hiểu hệ thống KSNB của các chu kỳ mà chỉ khảo sát hệ thống KSNB toàn doanh nghiệp. Điều này sẽ làm cho các KTV phải tăng cường các thử nghiệm cơ bản trên sổ dư và trên các nghiệp vụ.

Để tìm hiểu và đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ Kiểm toán viên có thể lựa chọn nhiều cách thức khác nhau tùy thuộc vào quy mô, tính chất phức tạp của khách hàng.

Thông thường để mô tả và đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng kiểm toán viên có thể sử dụng một trong ba phương pháp hoặc có thể kết hợp cả ba phương pháp tùy theo từng đặc điểm của đơn vị được kiểm toán.

-Bảng tường thuật: Là sự mô tả bằng văn bản về hệ thống KSNB của đơn vị. Bảng tường thuật đúng cách cần trình bày đầy đủ bốn điểm sau:

- +Nguồn gốc của mọi chứng từ và sổ sách trong hệ thống
- +Tất cả các quá trình đã xảy ra
- +Nêu rõ các hoạt động kiểm soát cần thiết để giúp cho quá trình đánh giá rủi ro kiểm soát

Việc sử dụng bảng tường thuật rất thông dụng với các cơ cấu KSNB đơn giản và dễ mô tả. Nhưng bất lợi của chúng là khó có thể đáp ứng cả việc cung cấp đủ thông tin cần thiết mà vẫn phải diễn đạt bằng những từ ngữ đơn giản, và dễ hiểu nhất.

-Lưu đồ: Là những hình vẽ biểu thị hệ thống thông tin kế toán và các hoạt động kiểm soát có liên quan bằng những ký hiệu đã được quy ước. KTV thường trình bày lưu đồ theo hướng tổng quát là từ trái sang phải, từ trên xuống dưới và

trình bày riêng từng cột để mô tả những công việc diễn ra ở từng bộ phận chức năng hay từng nhân viên.

Lưu đồ cung cấp một cái nhìn khái quát và súc tích về hệ thống của khách hàng, cho thấy mối quan hệ giữa các bộ phận, giữa các chứng từ và sổ sách... và có tác dụng như một công cụ phân tích khi đánh giá. Tuy nhiên, mô tả bằng lưu đồ thường mất nhiều thời gian và trong một số trường hợp nó còn tùy thuộc vào khả năng mô tả của KTV

- *Bảng câu hỏi khảo sát hệ thống kiểm soát nội bộ*: đây là một phương pháp phổ biến được áp dụng rộng rãi vì tính chất hiệu quả và đơn giản. Bảng câu hỏi thường được thiết kế dưới dạng câu hỏi đóng: có nghĩa là câu trả lời phía khách hàng chỉ có thể là “có” hoặc “không”. Đây là cách thức tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ khá đơn giản và ít tốn thời gian của Kiểm toán viên. Kiểm toán viên có thể kết hợp việc phỏng vấn và quan sát thực tế tại đơn vị của khách hàng. Qua đó Kiểm toán viên có thể đánh giá được điểm yếu, điểm mạnh của hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng và kết luận hệ thống có đáng tin cậy hay không, đồng thời Kiểm toán viên xác định mức rủi ro kiểm soát phù hợp.

Ưu điểm của công cụ này là được lập sẵn nên KTV có thể tiến hành nhanh chóng và không bỏ sót các vấn đề quan trọng. Hơn nữa nó có thể được chuẩn bị riêng cho từng phần của mỗi chu kỳ nghiệp vụ, nên rất thuận lợi cho việc phân công cho các KTV cùng thực hiện. Tuy nhiên, do được thiết kế chung, nên bảng câu hỏi này không thể phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp. Ngoài ra, việc chuẩn bị các câu hỏi và hoàn tất chúng thông qua phỏng vấn là một công việc khó khăn và tốn khá nhiều thời gian; cũng như độ chính xác của các câu trả lời phụ thuộc vào sự trung thực, hiểu biết và thiện chí của người được phỏng vấn.

KTV có thể sử dụng “bảng câu hỏi khảo sát hệ thống kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ tiền lương và lao động” thông qua thực hiện phỏng vấn ban giám đốc, kế toán tiền lương, người lao động...

Bảng 3.1: Bảng câu hỏi khảo sát hệ thống KSNB của Công ty khách hàng

STT	Nội dung	Y	N	N/A	Ghi Chú
1	Ban giám đốc có phải chịu áp lực nào về tiền lương và các khoản trích theo lương trên BCTC không?				
2	Chính sách tiền lương và nhân viên của đơn vị có được quy định rõ ràng thành văn bản cụ thể hay không?				
3	Chính sách tuyển dụng lao động, thay đổi mức lương có được BGD phê duyệt hay không?				
4	Có sự phân công, phân nhiệm và hoạt động tách biệt giữa bộ phận kế toán tiền lương và bộ phận lao động, bộ phận chấm công hay không?				
5	Kế toán có thực hiện đối chiếu mức lương trong hồ sơ cán bộ công nhân viên hay không ?				
6	Các bảng thanh toán lương có được phê duyệt trước khi thanh toán cho người lao động hay không?				
7	Người lao động khi nhận lương có ký nhận đầy đủ hay không?				
8	Doanh nghiệp có tiến hành tính lương theo đúng quy định trong chính sách tiền lương hay không?				
9	Việc hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương và các khoản trích theo lương có đầy đủ và chính xác hay không?				
10	Bảng chấm công có được đặt nơi công khai cho người lao động theo dõi được không?				
11	Công ty có những chính sách khen thưởng, đãi ngộ không? Nếu có thì có được quy định rõ ràng bằng văn bản không?				
12	Người lao động nghỉ việc có quyết định nghỉ việc và được phê chuẩn rõ ràng không ?				

3.3.2.2. Thủ tục phân tích phải trả người lao động

❖ Cơ sở của biện pháp

Thủ tục phân tích được sử dụng rộng rãi trong tất cả các giai đoạn của một cuộc kiểm toán đã giúp Kiểm toán viên nhận thấy được sự biến động bất thường của các chỉ tiêu, qua đó để tiến hành thực hiện các thủ tục bổ sung sao cho phát hiện được các sai phạm làm giảm thiểu tối đa rủi ro kiểm toán.

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 520- Thủ tục phân tích: “ Trong quá trình kiểm toán, nhằm giảm bớt rủi ro phát hiện liên quan đến cơ sở dẫn liệu của BCTC, KTV phải thực hiện quy trình phân tích hoặc kiểm tra chi tiết hoặc kết hợp cả hai. Nhằm xác định thủ tục kiểm toán thích hợp cho một mục tiêu kiểm toán cụ thể, KTV phải xét đoán hiệu quả của từng thủ tục kiểm toán” Như vậy để nâng cao chất lượng của cuộc kiểm toán và giảm thiểu khối lượng công việc kiểm tra chi tiết, KTV cần vận dụng triệt để thủ tục phân tích trong giai đoạn kiểm toán.

❖ Biện pháp thực hiện

Trên thực tế, khi xây dựng chương trình kiểm toán chu kỳ tiền lương và lao động VACO đã thiết kế các thủ tục phân tích như sau: So sánh chi phí tiền lương giữa kỳ này với kỳ trước, tính tỉ trọng tiền lương trong nợ phải trả

Nội dung	Năm 2012	Năm 2013	Chênh lệch	
			+/-	%
Phải trả NLD	1.195.680.000	1.056.380.000	(139.300.000)	(11.7%)
Phân tích tỉ trọng phải trả NLD trên tổng nợ phải trả				
			Tỷ trọng	
Phải trả NLD	1.056.380.000			
Nợ ngắn hạn	266.088.637.950		0.4%	
Tổng nợ phải trả	266.088.637.950		0.4%	

Trong quá trình thực hiện kiểm toán tiền lương và các khoản trích theo lương, VACO thực hiện thủ tục phân tích chủ yếu đối với các khoản mục trọng yếu. tuy nhiên hướng phân tích chưa sâu, mức độ còn đơn giản, sơ lược chưa bao hàm hết những vấn đề liên quan đến tiền lương do hạn chế về thời gian cũng như chi phí kiểm toán. Việc áp dụng thủ tục phân tích như vậy chưa thể đem lại hiệu quả cao cho cuộc kiểm toán vì thông qua những thủ tục phân tích như trên

KTV không thể dễ dàng phát hiện ra những biến động bất thường và có phương pháp tiến hành thực hiện kiểm tra chi tiết nhằm hạn chế thời gian, chi phí cho cuộc kiểm toán.

Trong kiểm toán khoản mục tiền lương và các khoản trích theo lương thủ tục phân tích nên được áp dụng cho tất cả các giai đoạn của cuộc kiểm toán để hỗ trợ cho kiểm toán viên nhận thấy những biến động bất thường đáng lưu ý. Theo riêng cá nhân em, khi thực hiện kiểm toán khoản mục tiền lương và các khoản trích theo lương VACO nên sử dụng rộng rãi và đa dạng hơn các thủ tục phân tích để có thể phát hiện ra những dấu hiệu bất thường. Có nghĩa là thủ tục phân tích không chỉ được áp dụng để phân tích chi phí tiền lương của toàn doanh nghiệp mà còn phải được áp dụng để phân tích chi phí tiền lương của từng bộ phận để có thể nhận ra nhiều biến động kiểm toán viên có thể lưu ý tập trung kiểm tra chi tiết.

Mặt khác, để thủ tục phân tích có thể đem lại hiệu quả trong cuộc kiểm toán, VACO nên bổ sung thêm các chỉ tiêu phân tích như:

So sánh tỉ lệ chi phí nhân công kỹ thuật trong giá thành sản xuất sản phẩm kì này với các kì trước (hoặc với kế hoạch, dự toán). So sánh tỷ lệ chi phí nhân viên bán hàng trong tổng số chi phí bán hàng kì này với các kì trước (hoặc với kế hoạch, dự toán). So sánh tỷ lệ chi phí nhân viên quản lý trong tổng số chi phí quản lý doanh nghiệp kì này với kì trước (hoặc với kế hoạch, dự toán). So sánh tỷ lệ thuế TNCN trên tổng số tiền lương của kì này với kì trước, thực hiện xem các ước tính kế toán...

Sự đa dạng của các chỉ tiêu phân tích sẽ giúp KTV nhận thấy những biến động bất thường của chi phí tiền lương trong quá trình kiểm toán để từ đó có hướng kiểm toán chi tiết phù hợp.

Với số liệu thu thập được của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy em xin được phân tích như sau:

Bảng 3.2: Bảng tổng hợp phân tích tiền lương và thuế TNCN

BẢNG TỔNG HỢP PHÂN TÍCH TIỀN LƯƠNG VÀ THUẾ TNCN			
Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Chênh lệch
Chi phí nhân công kỹ thuật	323.106.028	365.712.542	42.606.514
Tổng giá thành	534.025.427.424	473.664.444.132	60.360.983.292
Tỉ lệ chi phí nhân công kỹ thuật trong tổng giá thành	0.06%	0.077%	0.071%
Chi phí nhân công bán hàng	391.922.295	443.603.296	51.681.001
Chi phí bán hàng	4.476.983.176	4.049.522.103	427.461.073
Tỉ lệ chi phí nhân công bán hàng trong tổng chi phí bán hàng	8.8%	11%	12%
Chi phí nhân công quản lý doanh nghiệp	341.351.676	386.364.162	45.012.485
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.502.918.094	2.961.287.978	541.630.116
Tỉ lệ chi phí nhân công quản lý doanh nghiệp trong tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	9.7%	13%	8.3%
Tiền thuế TNCN	18000.000	19.825.000	1.825.000
Tổng số tiền lương	1.056.380.000	1.195.680.000	139.300.000
Tỉ lệ thuế TNCN trong tổng số tiền lương	1.7%	1.65%	1.3%

Dựa vào bảng phân tích trên ta thấy không có sự biến động bất thường trong chi phí nhân viên các bộ phận.

3.3.2.3. Giải pháp phân bổ tính trọng yếu cho các khoản mục trong BCTC và chọn mẫu trong kiểm toán kiểm toán

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 320 – tính trọng yếu trong kiểm toán: “ KTV cần xem xét tính trọng yếu trên cả phương diện mức độ sai phạm tổng thể của BCTC trong mối quan hệ với mức độ sai sót chi tiết của số dư các tài khoản, của các giao dịch và các thông tin trình bày trên BCTC. Tính trọng yếu cũng có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố khác như các quy định pháp lý hoặc các vấn đề liên quan đến các khoản mục khác nhau của BCTC và mối liên hệ giữa các khoản mục đó”. Do đó, việc phân bổ ước lượng ban đầu về tính trọng yếu cho các khoản mục trong BCTC là cần thiết để các KTV có hướng tập trung vào các khoản mục quan trọng đồng thời có kế hoạch xác định số lượng bằng chứng kiểm toán cần thu thập sao cho phù hợp.

❖ Biện pháp thực hiện

Hiện nay, tại VACO không thực hiện phân bổ mức trọng yếu cho từng khoản mục mà giá trị mức trọng yếu sẽ được sử dụng chung cho tất cả các khoản mục trên BCTC. Theo đó, sau khi xác định mức trọng yếu tổng thể (PM), KTV

xác định mức trong yếu thực hiện $MP=(50\%-75\%) PM$. Nhược điểm của phương pháp này là mức trọng yếu này được áp dụng chung thống nhất cho tất cả các khoản mục khác nhau. Do vậy, tất cả các khoản mục, mặc dù có số dư hay bản chất khoản mục khác nhau đều được áp dụng một mức trọng yếu chung thống nhất cho toàn bộ cuộc kiểm toán.

Công ty có thể tham khảo việc phân bố mức trọng yếu theo giá trị của từng khoản mục như sau:

Tạm phân phối theo quy mô về giá trị của các khoản mục theo công thức sau

$$\text{Mức trọng yếu phân bố cho khoản mục A} = \frac{\text{PM} * \text{Giá trị của khoản mục A}}{\text{Tổng giá trị của các khoản mục}}$$

Trên cơ sở đó, KTV có thể phân bố mức trọng yếu cho các khoản mục trên BCTC đối với khách hàng là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy như sau:

Bảng 3.3: Bảng phân bố mức trọng yếu cho từng khoản mục

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy		
	Mức trọng yếu tổng thể (PM)	14.502.807.945
	Mức trọng yếu thực hiện (MP)	10.587.049.800
	Số tiền	Mức trọng yếu
A. Tài sản ngắn hạn	565 332 290 341	7.841.549.112
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	177 384 789 975	2.460.449.484
1. Tiền	177 384 789 975	2.460.449.484
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	145 835 447 934	2.002.838.332
1. Đầu tư ngắn hạn	145 835 447 934	2.002.838.332
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	110 556 149 557	1.533.490.110
1. Phải thu của khách hàng	2 511 500 000	34.836.239
2. Trả trước cho người bán	23 900 434 297	331.515.522
5. Các khoản phải thu khác	84 144 215 260	1.167.138.349
IV. Hàng tồn kho	128 012 064 615	1.775.615.702
1. Hàng tồn kho	128 012 064 615	1.775.615.702
V. Tài sản ngắn hạn khác	3 543 838 260	49.155.483
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2 598 175 398	36.038.486
- Thuế GTGT đầu vào	2 598 175 398	36.038.486
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	945 662 862	13.116.997
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	197 935 404 093	2.745.500.688
II. Tài sản cố định	3 473 526 784	48.180.214
1. TSCĐ hữu hình	3 473 526 784	48.180.214
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	193 427 347 386	2.682.970.830
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	193 427 347 386	2.682.970.830
V. Tài sản dài hạn khác	1 034 529 923	14.349.644
1. Chi phí trả trước dài hạn	1 034 529 923	14.349.644

Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	763 267 694 434	10.587.049.800
Nguồn vốn		
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	266 088 637 950	3.960.833.087
I. Nợ ngắn hạn	266 088 637 950	3.960.833.087
2. Phải trả cho người bán	115 614 178 511	1.603.648.464
3. Người mua trả tiền trước	9 370 554 610	129.976.061
4. Thuê và các khoản phải nộp nhà nước	1 223 617 451	16.972.419
6. Chi phí phải trả	763 500 000	10.590.272
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	130 593 484 096	1.811.421.772
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8 523 303 282	118.224.100
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	497 179 056 484	6.896.216.713
I. Vốn chủ sở hữu	497 179 056 484	6.896.216.713
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	382 499 480 000	5.305.531.824
2. Thặng dư vốn cổ phần	14 270 000 000	197.934.750
8. Quỹ dự phòng tài chính	5 183 151 000	71.893.882
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3 494 600 000	48.472.514
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	91 731 825 484	1.272.383.741
- Lãi chưa phân phối	91 731 825 484	1.272.383.741
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	763 267 694 434	10.587.049.800

Sau khi phân bổ mức trọng yếu kiểm toán viên có thể dựa vào mức trọng yếu của từng khoản mục để xác định xem nên đi sâu kiểm tra chi tiết khoản mục nào, để có thể tập trung kiểm tra phát hiện sai sót.

3.3.2.4. Giải pháp tăng cường về số lượng chất lượng nhân viên

❖ Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ KTV

Một trong những vấn đề quan trọng đối với mỗi công ty kiểm toán đó là chất lượng một cuộc kiểm toán, đây là yếu tố có tính chất quyết định ảnh hưởng tới uy tín, sự tồn tại và phát triển của công ty đó trong tương lai. Hiện nay, đội ngũ nhân viên của công ty vẫn còn có các trợ lý kiểm toán viên trẻ, vừa mới tốt nghiệp đại học nên chưa có nhiều kinh nghiệm cũng như chưa hiểu biết về nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau và chưa đạt được các chứng chỉ kiểm toán. Vì vậy, hàng năm công ty cần tăng cường các đợt thi, sát hạch nhằm đánh giá trình độ năng lực của KTV và trợ lý KTV. Từ đó sẽ có các kế hoạch để bồi dưỡng, Công ty cần tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nâng cao trình độ, tham gia học và thi để đạt Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp. Ngoài ra, công ty nên tạo điều kiện cho những nhân viên có năng lực tốt để đi học các lớp đào tạo chuyên sâu về kiểm toán ở nước ngoài.

Trình độ ngoại ngữ của các KTV còn hạn chế gây khó khăn cho các KTV trong việc tiếp cận các tài liệu chuyên môn bằng tiếng nước ngoài cũng như tham gia các khóa học đào tạo KTV tại nước ngoài. Điều này cũng gây khó khăn

trong việc mở rộng thị trường kiểm toán ra các Công ty vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Do vậy, Công ty cần tạo điều kiện khuyến khích các KTV tham gia các khóa đào tạo tiếng Anh, tiếng Nhật đặc biệt là các khóa đào tạo tiếng Anh, tiếng Nhật chuyên ngành kiểm toán.

❖ ***Giải pháp tăng cường số lượng KTV:***

Hiện nay, tại Việt Nam đã có rất nhiều trường Đại học đào tạo về kiểm toán, Công ty có thể kết hợp với các trường đại học này nhằm phát hiện những sinh viên ưu tú và thu hút họ trở thành nhân viên của Công ty trong tương lai khi họ còn ngồi trên ghế nhà trường. Việc này có thể được thực hiện thông qua việc liên kết đào tạo với các trường đại học. Công ty có thể cử các kiểm toán viên có kinh nghiệm trực tiếp tham gia giảng dạy cho sinh viên giúp sinh viên có những kiến thức sát với thực tế nhất và có thể thực hiện tốt công việc của mình sau khi ra trường. Công ty có thể tạo điều kiện cho các sinh viên trong giai đoạn thực tập tham gia thực tập tại Công ty, từ đó phát hiện những sinh viên có năng lực giữ lại làm việc tại Công ty.

Hơn nữa, trong giai đoạn hiện nay, với sức hút hấp dẫn từ lĩnh vực ngân hàng, tài chính, chứng khoán thì sự thay đổi về nguồn nhân lực tại các công ty kiểm toán đang dần trở thành một vấn đề mà các nhà quản lý tại các công ty kiểm toán quan tâm hàng đầu. Do đó, để tránh tình trạng lao động thay đổi và có thể thu hút được nhiều nhân tài thì cần xây dựng một chế độ lương hấp dẫn, một môi trường nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu công khai, minh bạch, dân chủ, trong các mối quan hệ lợi ích, trong môi trường đó, chỉ có chỗ cho những người thạo việc và giữ vững đạo đức nghề nghiệp nhằm tạo cho đội ngũ nhân viên thấy yên tâm và gắn bó lâu dài với sự phát triển lớn mạnh của công ty.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua nền kinh tế thế giới không ngừng biến động, các nhà đầu tư luôn quan tâm đến các thông tin tài chính trong doanh nghiệp. Chính vì vậy hoạt động kiểm toán với chức năng bày tỏ ý kiến về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính ngày càng được chú trọng. Nằm trong xu thế đó, sau nhiều năm xây dựng và phát triển không ngừng, công ty TNHH kiểm toán VACO Việt Nam đã tạo dựng được thương hiệu và uy tín của mình trên thị trường kiểm toán trong nước.

Qua một thời gian thực tập tại Chi nhánh công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng, em đã có cơ hội được vận dụng những kiến thức mình được học ở trường vào một phần công việc đồng thời cũng nâng cao được hiểu biết của bản thân về quy trình kiểm toán Báo cáo tài chính tại Công ty. Trong quá trình thực tập em đã được các anh chị trong Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi và giúp đỡ rất nhiệt tình. Chính vì vậy em đã có thể thực hiện tốt công việc của mình trong thời gian thực tập tại công ty. Đó cũng là cơ sở để em hoàn thiện đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn các anh chị trong Chi nhánh công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng và giáo viên theo dõi thực tập – Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương đã giúp em hoàn thành khóa luận một cách tốt nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ sơ kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy năm 2013 do Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán VACO thực hiện.
2. 37 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam - Nhà xuất bản tài chính năm 2014
3. Tác giả THs. Đậu Ngọc Châu- TS Nguyễn Viết Lợi
Giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính
Nhà xuất bản tài chính – 2008
4. Tác giả GS. TS Nguyễn Quang Quỳnh
Giáo trình kiểm toán Báo cáo tài chính
Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân- 2009
5. Tác giả GS. TS Nguyễn Quang Quỳnh
Giáo trình lý thuyết kiểm toán
Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân- 2006
6. Tác giả GS. TS Nguyễn Quang Quỳnh
Giáo trình kế toán tài chính
Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân- 2009
7. Chế độ kế toán doanh nghiệp-Bộ tài chính
Nhà xuất bản giao thông vận tải-2008